Ký bởi Trung tâm Thông tin
Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh, Tỉnh Sơn La
Giờ ký: 2024-07-26T17:22:07.3746310+07:00

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 46 **Ngày 25 tháng 07 năm 2024**

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HĐND TỈNH

12/07/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 85/2024/NQ-HĐND quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La	5
12/07/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 86/2024/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 60/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh Sơn La	8
12/07/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 87/2024/NQ-HĐND quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện trên địa bàn tỉnh Sơn La	10
12/07/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 88/2024/NQ-HĐND quy định thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La	13
12/07/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 89/2024/NQ-HĐND quy định về mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Sơn La từ năm học 2024 - 2025	16

12/07/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 90/2024/NQ-HĐND bãi bỏ Nghị quyết số 37/2017/NQ-HĐND ngày 15/3/2017 của HĐND tỉnh Sơn La về cơ chế, chính sách hỗ trợ trồng cây phân tán trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2020	20

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HĐND TỈNH

11/07/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 342/NQ-HĐND về việc giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến HĐND tỉnh trước và sau Kỳ họp thứ tám của HĐND tỉnh; việc thực hiện Kết luận phiên chất vấn tại Kỳ họp thứ tám của HĐND tỉnh khoá XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026	22
11/07/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 343/NQ-HĐND về chương trình giám sát năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá XV, nhiệm kỳ 2021-2026	36
11/07/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 344/NQ-HĐND thông qua những nội dung Thường trực HĐND tỉnh đã xem xét, giải quyết theo đề nghị của UBND tỉnh từ Kỳ họp thứ tám đến Kỳ họp thứ chín, HĐND tỉnh khóa XV	38
12/07/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 345/NQ-HĐND về thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025	40
12/07/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 346/NQ-HĐND về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương (đợt 14)	52
12/07/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 347/NQ-HĐND về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Điểm trường bản Đèo Chẹn thuộc Trường PTDTBT tiểu học Hua Nhàn, xã Hua Nhàn, huyện Bắc Yên	59
12/07/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 348/NQ-HĐBD về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án trường THCS xã Tạ Khoa, huyện Bắc Yên	61
12/07/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 349/NQ-HĐND phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng Cửa khẩu chính Lóng Sập, tỉnh Sơn La thành cửa khẩu quốc tế	64

12/07/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 350/NQ-HĐND phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Báo Sơn La	67
12/07/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 351/NQ-HĐND về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Hoàn thiện tuyến giao thông số 1A, vườn hoa Quảng trường Tây Bắc (đoạn từ cầu Trắng đến tuyến 1A)	69
12/07/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 352/NQ-HĐND về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách địa phương	71
12/07/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 353/NQ-HĐND bổ sung danh mục cho phép chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh	78
12/07/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 354/NQ-HĐND về việc điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất; thông tin khác của dự án đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án nhà nước thu hồi đất	80
12/07/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 355/NQ-HĐND về việc điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất dự án đã được HĐND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ	83

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 85/2024/NQ-HĐND	*Sơn La, ngày 12 tháng 7 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi,bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Xét Tờ trình số 125/TTr-UBND ngày 28 ngày 6 tháng 2024; Báo cáo số 327/BC-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 822/BC-KTNS ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La theo điểm c khoản 1 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La (bao gồm cả việc mua sắm tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La) theo điểm b khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.

- Cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi quản lý của địa phương (áp dụng đối với việc mua sắm hàng hóa dịch vụ sư dụng nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh).

Điều 2. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định mua sắm tài sản có giá trị trên 5 tỷ đồng/dự toán mua sắm.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định mua sắm tài sản có giá trị đến 5 tỷ đồng/dự toán mua sắm tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này).

3. Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định mua sắm tài sản có giá trị đến 200 triệu đồng/dự toán mua sắm.

4. Các đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đã được cấp thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ, dự toán và ký hợp đồng) quyết định mua sắm tài sản có giá trị đến 200 triệu đồng/dự toán mua sắm.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La (bao gồm cả việc mua sắm tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và các cơ quan, tổ

chức, đơn vị, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La)

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá trị trên 5 tỷ đồng/dự toán mua sắm.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao kinh phí từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ (Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Sơn La,…) quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá trị đến 5 tỷ đồng/dự toán mua sắm tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này).

3. Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá trị đến 200 triệu đồng/dự toán mua sắm.

4. Các đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đã được cấp thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và dự toán, ký hợp đồng) quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá trị đến 200 triệu đồng/dự toán mua sắm.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc phát hành hồ sơ mời thầu trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt.

2. Các nội dung khác về mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XV, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2024./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 86/2024/NQ-HĐND	*Sơn La, ngày 12 tháng 7 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 60/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh Sơn La

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp năm ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Xét Tờ trình số 115/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 822/BC-KTNS ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 60/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh Sơn La, như sau:

1. Sửa đổi điểm 1.2 khoản 1 Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 60/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017:

"1.2. Phụ cấp lưu trú

- Đi công tác trong tỉnh:

+ Các xã khu vực I, mức chi: 160.000 đồng/ngày/người.

+ Các xã khu vực II, mức chi: 180.000 đồng/ngày/người.

+ Các xã khu vực III, mức chi: 200.000 đồng/ngày/người.

(Xác định khu vực theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025)

- Đi công tác ngoài tỉnh: Mức phụ cấp lưu trú để trả cho người đi công tác: 200.000 đồng/ngày.

- Đi công tác làm nhiệm vụ trên biển, đảo: Mức phụ cấp lưu trú trả cho người đi công tác: 250.000 đồng/người/ngày."

2. Sửa đổi điểm 2.3 khoản 2 Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 60/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017:

" 2.3. Chi giải khát giữa giờ: 20.000 đồng/1 buổi (nửa ngày)/đại biểu."

3. Bổ sung khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 60/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017, như sau:

*"**3.** Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế."*

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 7 năm 2024./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 87/2024/NQ-HĐND	*Sơn La, ngày 12 tháng 7 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện trên địa bàn tỉnh Sơn La

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước ;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện;

Xét Tờ trình số 114/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2024, Báo cáo số 327/BC-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 822/BC-KTNS ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện trên địa bàn tỉnh Sơn La.

(có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 34/2017/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2017 của HĐND tỉnh quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện trên địa bàn tỉnh.

2. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành. Khi các văn bản quy định về chế độ dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 7 năm 2024./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục

QUY ĐỊNH MỨC CHI ĐÓN TIẾP, THĂM HỎI, CHÚC MỪNG DO ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM CÁC CẤP THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 87/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Sơn La)

STT	Nội dung chi	Mức chi		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Chi đón tiếp các đoàn đại biểu và các cá nhân quy định tại Khoản 1, Điều 2 Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg ngày 22/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ đến thăm và làm việc với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp:	Thực hiện theo Nghị quyết số 99/2019/NQ-HĐND ngày 12/6/2019 của HĐND tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị quốc tế và tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh.		
2	Chi tặng quà chúc mừng, thăm hỏi, phúng viếng đối với đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 2 Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg ngày 22/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ gồm:			
a	Chi tặng quà chúc mừng nhân ngày Tết nguyên đán, ngày lễ hoặc ngày lễ trọng (ngày lễ kỷ niệm trọng thể nhất của từng dân tộc): không quá 3 lần/người/năm.	1.000.000 đồng/người/lần	700.000 đồng/người/lần	500.000 đồng/người/lần
b	Chi thăm hỏi ốm đau hoặc gặp khó khăn về kinh tế.	3.000.000 đồng/người/năm	2.000.000 đồng/người/năm	1.000.000 đồng/người/năm
c	Chi phúng viếng khi cá nhân qua đời (bao gồm cả vòng hoa).	1.500.000 đồng/người	1.000.000 đồng/người	500.000 đồng/người

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 88/2024/NQ-HĐND	*Sơn La, ngày 12 tháng 7 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Quy định thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Công văn số 1254/QLĐT-CS ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Cục Quản lý Đấu thầu - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Xét Tờ trình số 129/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2024, Báo cáo số 327/BC-UBND ngày 08 tháng 07 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 822/BC-KTNS ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La *(gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị)*.

Điều 2. Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La, như sau:

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh *(trừ trường hợp quy định tại khoản 3, Điều này)*

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá trị trên 5 tỷ đồng/dự toán mua sắm.

b) Thủ trưởng đơn vị dự toán

- Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp 1 quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá trị trên 200 triệu đồng đến 5 tỷ đồng/dự toán mua sắm tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

- Thủ trưởng đơn vị dự toán các cấp quyết định mua sắm đối với hàng hóa, dịch vụ có giá trị không quá 200 triệu đồng/dự toán mua sắm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã *(trừ trường hợp quy định tại khoản 3, Điều này)*

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá trị trên 5 tỷ đồng/dự toán mua sắm.

b) Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá trị trên 200 triệu đồng đến 5 tỷ đồng/dự toán mua sắm tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Thủ trưởng đơn vị dự toán các cấp quyết định mua sắm đối với hàng hóa, dịch vụ có giá trị không quá 200 triệu đồng/dự toán mua sắm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ để phục vụ hoạt động của đơn vị *(không bao gồm nguồn ngân sách nhà nước)*.

Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư mua sắm hàng hóa dịch vụ, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước, thì thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được HĐND tỉnh khoá XV, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2024./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 89/2024/NQ-HĐND	*Sơn La, ngày 12 tháng 7 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Quy định về mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Sơn La từ năm học 2024 - 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 132/TTr-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 776/BC-VHXH ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Ban Văn hóa - Xã hội của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Sơn La từ năm học 2024 - 2025 như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Sơn La.

b) Đối tượng áp dụng

- Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, các cơ sở giáo dục và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Mức học phí

a) Mức học phí học trực tiếp

TT	Cấp học	Đơn vị tính	Khu vực và mức học phí			
			Phường, thị trấn	Xã khu vực I	Xã khu vực II	Xã khu vực III
1	Giáo dục mầm non	Đồng/tháng/học sinh	38.000	20.000	15.000	12.000
2	Giáo dục THCS	Đồng/tháng/học sinh	52.000	28.000	20.000	13.000
3	Giáo dục THPT	Đồng/tháng/học sinh	52.000	28.000	20.000	13.000

b) Mức học phí học trực tuyến (*học online*)

TT	Cấp học	Đơn vị tính	Khu vực và mức học phí			
			Phường, thị trấn	Xã khu vực I	Xã khu vực II	Xã khu vực III
1	Giáo dục mầm non	Đồng/tháng/học sinh	23.000	12.000	9.000	7.000
2	Giáo dục THCS	Đồng/tháng/học sinh	31.000	17.000	12.000	8.000
3	Giáo dục THPT	Đồng/tháng/học sinh	31.000	17.000	12.000	8.000

- Xã khu vực I, II, III theo danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

- Mức thu học phí đối với từng học sinh căn cứ theo nơi thường trú của học sinh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2024.

2. Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết

a) Nghị quyết số 125/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2015 - 2016 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

b) Nghị quyết số 126/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh về việc quy định mức học phí đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của tỉnh Sơn La từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021.

c) Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 03 tháng 8 năm 2016 của HĐND tỉnh về việc quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2016 - 2017 trên địa bàn tỉnh.

d) Nghị quyết số 51/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2017 - 2018 trên địa bàn tỉnh.

đ) Nghị quyết số 79/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của HĐND tỉnh về việc quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2018 - 2019 trên địa bàn tỉnh.

e) Nghị quyết số 104/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2019 - 2020 trên địa bàn tỉnh.

g) Nghị quyết số 131/2020/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh về việc quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh.

h) Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh về việc quy định không thu học phí học kỳ II năm học 2021 - 2022 đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông công lập và học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Sơn La.

i) Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh.

k) Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2022 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập; mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tại các trường tư thục ở địa bàn không đủ trường công lập và học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được

hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo quy định năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh.

l) Nghị quyết số 65/2023/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2023 của HĐND tỉnh quy định về mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2023 - 2024 trên địa bàn tỉnh.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khoá XV, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2024./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 90/2024/NQ-HĐND	*Sơn La, ngày 12 tháng 7 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Bãi bỏ Nghị quyết số 37/2017/NQ-HĐND ngày 15/3/2017 của HĐND tỉnh Sơn La về cơ chế, chính sách hỗ trợ trồng cây phân tán trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.

Xét Tờ trình số 86/TTr-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 606/BC-DT ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 37/2017/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2017 của HĐND tỉnh Sơn La về cơ chế, chính sách hỗ trợ trồng cây phân tán trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2024./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 342/NQ-HĐND	*Sơn La, ngày 11 tháng 7 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Về việc giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến HĐND tỉnh trước và sau Kỳ họp thứ tám của HĐND tỉnh; việc thực hiện Kết luận phiên chất vấn tại Kỳ họp thứ tám của HĐND tỉnh khoá XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND ngày 20 tháng 11 năm năm 2015;

Xét Tờ trình số 70/TTr-TTHĐND ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Thường trực HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành Báo cáo số 191/BC-TTHĐND ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh *(HĐND tỉnh)* về kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến HĐND tỉnh trước và sau Kỳ họp thứ tám của HĐND tỉnh; việc thực hiện Kết luận phiên chất vấn tại Kỳ họp thứ tám của HĐND tỉnh khoá XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

1. Kết quả đạt được

1.1. Từ Kỳ họp thứ tám của HĐND tỉnh khoá XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Thường trực HĐND tỉnh đã tiếp nhận, rà soát, phân loại và chuyển 28 kiến nghị của cử tri đến Uỷ ban nhân dân tỉnh *(UBND tỉnh)* để chỉ đạo xem xét, giải quyết[1]. Nội dung các kiến nghị của cử tri liên quan đến hầu hết các lĩnh vực của đời sống, kinh tế - xã hội, trong đó một số lĩnh vực được nhiều cử tri ở nhiều địa phương quan tâm như: Đầu tư công, nông nghiệp và phát triển nông thôn, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, văn hoá xã hội, ban hành cơ chế chính sách, phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, bản;…

1.2. Thực hiện Nghị quyết số 266/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh về việc giám sát tình hình giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến

[1] Báo cáo số 151/BC-TTHĐND ngày 15/12/2023, số 172/BC-TTHĐND ngày 07/02/2024 của Thường trực HĐND tỉnh.

HĐND tỉnh trước và sau Kỳ họp thứ bảy của HĐND tỉnh khóa XV, Thường trực HĐND tỉnh đã đề nghị UBND tỉnh báo cáo bổ sung việc giải quyết đối với 50 kiến nghị của cử tri.

1.3. Thực hiện Thông báo số 225/TB-TTHĐND ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thường trực HĐND tỉnh thông báo kết luận của chủ toạ kỳ họp về phiên chất vấn tại Kỳ họp thứ tám, HĐND tỉnh khoá XV, Thường trực HĐND tỉnh đã đề nghị UBND tỉnh đôn đốc, chỉ đạo giải quyết 15 nhiệm vụ.

1.4. Sau khi tiếp nhận các kiến nghị của cử tri UBND tỉnh đã chủ động giao các sở, ngành và cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, xem xét, giải quyết và có 02 văn bản về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri gửi Thường trực HĐND tỉnh *(Báo cáo số 200/BC-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2024, Báo cáo số 253/BC-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh)*. Thường trực HĐND tỉnh đã giao các Ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri theo lĩnh vực được phân công và của cử tri địa phương kiến nghị. Kết quả: Đã giải quyết xong 32/93 kiến nghị, nhiệm vụ (*đạt 34,4%*); đang giải quyết 61/93 kiến nghị, nhiệm vụ (*chiếm 65,6%*).

1.5. Việc tiếp nhận, giải quyết, trả lời ý kiến, kiến nghị cử tri được UBND tỉnh, các sở ngành, địa phương và đơn vị liên quan chú trọng nghiên cứu, giải quyết kiến nghị cử tri, thể hiện tinh thần cầu thị, tiếp thu kiến nghị cử tri trong tổ chức thực hiện công tác quản lý, điều hành; đã quan tâm chỉ đạo, đôn đốc các sở, ngành xem xét, giải quyết và báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri. Các sở, ngành được giao chủ trì đã chủ động nghiên cứu, giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri theo đúng Quy chế tiếp nhận, giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri được ban hành kèm theo Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh; nội dung, chất lượng giải quyết hoặc giải đáp về những vấn đề cử tri quan tâm cơ bản đáp ứng nguyện vọng của cử tri.

1.6. Các Tổ đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh phát huy tinh thần trách nhiệm, rà soát, xem xét kết quả trả lời, giải quyết, kiến nghị phản hồi về Thường trực HĐND tỉnh để đề nghị cơ quan có thẩm quyền trả lời thoả đáng nội dung kiến nghị, có cơ sở để trả lời cử tri theo quy định của pháp luật.

2. Tồn tại, hạn chế

(1) Tỷ lệ kiến nghị được giải quyết xong còn thấp (*đạt 34,4%);* còn một số kiến nghị cử tri đã được UBND tỉnh tiếp thu, mặc dù đã triển khai nhiều biện pháp giải quyết nhưng chuyển biến còn chậm nên cử tri có nội dung vẫn bức xúc, tiếp tục có kiến nghị *(trong đó có 07[2] kiến nghị là các kiến nghị kéo dài từ trước Kỳ họp thứ năm, HĐND tỉnh).*

[2] (1) Quan tâm giải quyết vướng mắc giữa nhân dân bản Nà Cạn, phường Chiềng Sinh thành phố Sơn La với Công ty cổ phần Giang Sơn về dự án đổi đất lấy cơ sở hạ tầng khu đô thị phía Đông – Nam bến xe khách Sơn La; (2) Quan tâm, giải quyết những vướng mắc giữa nhân dân bản Hẹo Phung, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La với Công ty Hoàng Long trên diện tích khu đất đồi 1,8 ha của bản mà Công ty Hoàng Long đã san ủi mặt bằng (*Đề nghị được bồi thường theo giá thời điểm hiện tại hoặc giao đất lại cho nhân dân quản lý và sản xuất trên khu đất này*); (3)

(2) Việc báo cáo kết quả giải quyết đối với các nhiệm vụ được giao tại Thông báo số 225/TB-TTHĐND ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thường trực HĐND tỉnh còn chậm.

(3) Chất lượng tổng hợp kết quả tiếp xúc cử tri trước và sau các Kỳ họp của HĐND tỉnh của một số Tổ đại biểu HĐND tỉnh có mặt còn hạn chế.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Cử tri kiến nghị vấn đề liên quan đến các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong khi đó việc xem xét, giải quyết, trả lời kiến nghị cử tri chỉ được thực hiện trong một thời gian ngắn *(giữa hai kỳ họp HĐND tỉnh)* nên chất lượng giải quyết, trả lời còn có những việc có những hạn chế nhất định, chưa cập nhật hết nội dung mới.

- Một số kiến nghị của cử tri về tiến độ triển khai các dự án, công tác thu hút đầu tư, sắp xếp, xử lý tài sản trên đất, thu hồi đất, phê duyệt các quy hoạch, xây dựng các cơ chế, chính sách,... là những kiến nghị cần có thời gian, nguồn lực, lộ trình cụ thể theo khả năng ngân sách địa phương, việc giải quyết chưa thể đáp ứng nguyện vọng của cử tri.

- Một số Tổ đại biểu HĐND tỉnh chưa thực sự dành thời gian cho việc rà soát, nghiên cứu các văn bản liên quan đến kiến nghị cử tri do đó ảnh hưởng đến chất lượng tổng hợp kết quả tiếp xúc cử tri của một số kiến nghị.

Điều 2. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả và kịp thời giải quyết kiến nghị của cử tri, HĐND tỉnh đề nghị Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tập trung chỉ đạo, thực hiện tốt một số nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

1. Đối với Thường trực HĐND tỉnh

1.1. Tiếp tục tăng cường giám sát kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến các kỳ họp của HĐND tỉnh; Xây dựng kế hoạch tổ chức giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri đối với các nội dung tại biểu kèm theo Nghị quyết này, kiến nghị của cử tri được gửi đến HĐND tỉnh trước và sau Kỳ họp thứ chín; báo cáo HĐND tỉnh tại Kỳ họp cuối năm 2024.

1.2. Lựa chọn một số nội dung kiến nghị đã được cử tri kiến nghị nhiều lần nhưng chưa được giải quyết dứt điểm, những vấn đề mới phát sinh liên quan trực tiếp đến đời sống, sản xuất, kinh doanh, giáo dục - đào tạo, chính sách an sinh xã hội của người dân để tổ chức Đoàn giám sát chuyên đề hoặc tổ chức chất vấn, giải trình tại Phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh (*nếu xét thấy cần thiết*).

Quan tâm giải quyết dứt điểm đơn thư của công dân liên quan đến các lô đất thuộc bản án Cà Văn Lả, không để đơn thư kéo dài; [4] Tiếp tục triển khai thực hiện dự án 1, dự án 2 khu đô thị Hồ tuổi trẻ, thành phố Sơn La; [5] Sớm thu hồi và giao đất của Trung tâm giống thủy sản cấp I thuộc hệ thống thủy sản quốc gia tại xã Tông Cọ cho UBND huyện Thuận Châu quản lý, sử dụng; [6] Đề nghị Cục dự trữ Quốc gia: Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Cục dự trữ Quốc gia (*kéo dài đã 10 năm*), còn 6 hộ chưa được nhận tiền đền bù nhưng hiện nay có hộ dân đã tiến hành xây dựng các công trình trái phép trên phần đất này, chính quyền địa phương phải cưỡng chế, gây nên tình trạng bức xúc trong nhân dân; [7] Chỉ đạo Trường Đại học Tây Bắc hoàn thiện dự án Trường Đại học Tây Bắc và điều chỉnh quy hoạch (*dự án đã kéo dài nhiều năm*) gây bức xúc cho Nhân dân.

2. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

2.1. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các sở, ngành rà soát, khẩn trương giải quyết các kiến nghị của cử tri đang trong quá trình giải quyết tại biểu kèm theo Nghị quyết này; tiếp tục nâng cao chất lượng giải quyết, trả lời cử tri, khắc phục những hạn chế đã nêu; bảo đảm giải quyết có chất lượng, đúng lộ trình để báo cáo với cử tri; báo cáo kết quả giải quyết về Thường trực HĐND tỉnh **trước ngày 30 tháng 10 năm 2024**.

Báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri cần tập trung nêu rõ: (1) Số lượng kiến nghị được chuyển đến; số lượng, kết quả giải quyết, trả lời? (2) Đối với kiến nghị đã giải quyết xong, phải có danh mục tài liệu minh chứng về kết quả thực hiện; (3) Đối với kiến nghị đang và sẽ giải quyết, kiến nghị cử tri đã kiến nghị nhiều lần nhưng chưa giải quyết dứt điểm đề nghị nêu rõ cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm và thời hạn giải quyết; (4) Đánh giá chung về kết quả giải quyết kiến nghị và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả việc giải quyết kiến nghị của cử tri.

2.2. Tiếp tục tăng cường chỉ đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giải quyết, trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri, đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của cử tri.

2.3. Chỉ đạo tiếp tục đăng tải kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị cử tri trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Đối với các Ban của HĐND tỉnh

3.1. Tiếp tục thực hiện giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri theo lĩnh vực phụ trách và phân công của Thường trực HĐND tỉnh.

3.2. Chủ động đề xuất nội dung tổ chức Đoàn giám sát một số chuyên đề đối với những kiến nghị đã được cử tri kiến nghị nhiều lần nhưng chưa được giải quyết dứt điểm; những vấn đề mới phát sinh liên quan đến đời sống dân sinh.

4. Đối với các Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh

4.1. Thông tin kịp thời kết quả giải quyết kiến nghị cử tri của UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan tới cấp ủy, chính quyền và cử tri; nhất là thông tin trực tiếp đến cử tri tại hội nghị tiếp xúc cử tri đối với những vấn đề cử tri kiến nghị đã được pháp luật quy định hoặc đã được giải quyết, trả lời dứt điểm, không có nội dung mới, kiến nghị liên quan đến nguồn vốn đầu tư các dự án không có trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, kiến nghị liên quan đến chế độ, chính sách trong giai đoạn Trung ương, tỉnh đang hoàn thiện các quy định chế độ, chính sách theo quy định.

4.2. Nghiên cứu, đổi mới hình thức tiếp nhận, tổng hợp, phân loại kiến nghị của cử tri đảm bảo vấn đề tổng hợp phải rõ địa chỉ, rõ nội dung, tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết (*không tổng hợp chuyển Thường*

trực HĐND tỉnh đối với những kiến nghị đã được cấp có thẩm quyền trả lời; kiến nghị thuộc thẩm quyền cấp huyện).

4.3. Tiếp tục theo dõi, giám sát việc giải quyết kiến nghị cử tri của UBND tỉnh và các sở, ngành.

5. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh

5.1. Kịp thời trích lục các nội dung kiến nghị của cử tri đã giải quyết xong, gửi trực tiếp về chính quyền địa phương cơ sở nơi cử tri kiến nghị.

5.2. Cung cấp đầy đủ thông tin về kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri trên Trang thông tin đại biểu dân cử Sơn La, cho Báo Sơn La và Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh để đăng tải trên chuyên mục *"Diễn đàn cử tri"*.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh thực hiện và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, Kỳ họp thứ chín thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

NHỮNG KIẾN NGHỊ ĐỀ NGHỊ UBND TỈNH TIẾP TỤC CHỈ ĐẠO GIẢI QUYẾT

(Kèm theo Nghị quyết số 342/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh)

TT	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ
1	**Lĩnh vực Pháp chế (09 nội dung)**
1.1	Quan tâm giải quyết những vướng mắc giữa nhân dân bản Nà Cạn, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La với Công ty cổ phần Giang Sơn về dự án đổi đất lấy cơ sở hạ tầng khu đô thị phía Đông - Nam bến xe khách Sơn La; đề nghị công ty sớm triển khai xây dựng hệ thống điện, nước sạch, đường giao thông theo cam kết, để ổn định đời sống nhân dân.
1.2	Quan tâm giải quyết dứt điểm đơn thư của công dân liên quan đến các lô đất thuộc bản án Cà Văn Lả, không để đơn thư kéo dài.
1.3	Quan tâm, giải quyết những vướng mắc giữa nhân dân bản Hẹo Phung, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La với Công ty Hoàng Long trên diện tích khu đất đồi 1,8 ha của bản mà Công ty Hoàng Long đã san ủi mặt bằng (*Đề nghị được bồi thường theo giá thời điểm hiện tại hoặc giao đất lại cho nhân dân quản lý và sản xuất trên khu đất này*).
1.4	Đề nghị UBND tỉnh xem xét sửa đổi tiêu chí phân loại bản, tổ dân phố quy định tại Quyết định số 39/2020/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế tổ chức, hoạt động và phân loại của bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Sơn La cho phù hợp với thực tế quản lý số hộ của bản *(Kiến nghị của cử tri xã Pa Ma Pha Khinh, huyện Quỳnh Nhai)*
1.5	Đề nghị xem xét hỗ trợ phụ cấp cho các chức danh y tế thôn, bản. Hiện nay mức hỗ trợ thấp mà khối lượng công việc ngày càng đòi hỏi cao, địa bàn cơ sở rộng, đường xá đi lại khó khăn (*Kiến nghị của cử tri xã Song Khủa, huyện Vân Hồ*)
1.6	Đề nghị tỉnh xem xét ban hành chính sách hỗ trợ về nhà ở (nhà công vụ, thuê nhà…) và hỗ trợ một phần phí sinh hoạt đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, đặc biệt là các đối tượng theo Quy định số 784-QĐ/TU ngày 02/11/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quản lý cán bộ tham gia Đề án số 03-ĐA/TU ngày 30/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về "Xây dựng, tạo nguồn cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đến năm 2030" khi thực hiện luân chuyển, điều động, biệt phái (từ cấp tỉnh xuống huyện, từ cấp huyện xuống cấp xã giữa các chức danh lãnh đạo, quản lý để rèn luyện, thử thách qua thực tiễn công tác tại cơ sở hoặc đưa cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ cấp xã lên cấp huyện, từ cấp huyện lên cấp tỉnh để mở rộng tư duy, tầm nhìn, rèn luyện kỹ năng lãnh đạo, quản lý hoặc giữa các địa phương, đơn vị cùng cấp trong hệ thống chính trị để rèn luyện, thử thách cán bộ ở các môi trường công tác khác nhau). Vì thực tế hiện nay, với đặc thù tỉnh miền núi, khoảng cách di chuyển giữa các vùng, các địa phương xa, không thể đi đến cơ quan và trở về nhà trong ngày; mặt khác, đa số cán bộ, công chức trẻ có thu nhập thấp, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Đề nghị tỉnh quan tâm, hỗ trợ để giúp cán bộ, công chức khắc phục khó khăn, yên tâm công tác *(Kiến nghị của cử tri huyện Mai Sơn)*

TT	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ
1.7	Đề nghị sớm triển khai dự án đo đạc địa chính trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai *(Kiến nghị của cử tri huyện Quỳnh Nhai)*
1.8	Đề nghị Cục thi hành án dân sự tỉnh Sơn La hướng dẫn thủ tục thanh toán hoàn trả lại số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) đã thu hồi về ngân sách xã cho UBND xã Chiềng Khoa theo Quyết định 174/QĐ-CTHADS ngày 17/3/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Sơn La về thi hành án trong công tác làm đường nông thôn mới tại xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ (*Kiến nghị của cử tri xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ*).
1.9	UBND tỉnh, Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh cần quan tâm việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật; đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa công tác phổ biến giáo dục pháp luật nhằm thu hút các nguồn lực xã hội, khuyến khích, huy động các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tích cực tham gia công tác phổ biến giáo dục pháp luật.
2	**Lĩnh vực kinh tế - ngân sách (34 nội dung)**
2.1	Tiếp tục triển khai thực hiện dự án 1, dự án 2 khu đô thị Hồ tuổi trẻ, thành phố Sơn La.
2.2	Sớm thu hồi và giao đất của Trung tâm giống thủy sản cấp I thuộc hệ thống thủy sản quốc gia tại xã Tông Cọ cho UBND huyện Thuận Châu quản lý, sử dụng.
2.3	Đề nghị Cục dự trữ Quốc gia: Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Cục dự trữ Quốc gia (*kéo dài đã 10 năm*), còn 6 hộ chưa được nhận tiền đền bù nhưng hiện nay có hộ dân đã tiến hành xây dựng các công trình trái phép trên phần đất này, chính quyền địa phương phải cưỡng chế, gây nên tình trạng bức xúc trong nhân dân.
2.4	Yêu cầu Công ty thủy điện Nậm Bú thực hiện việc bồi thường hỗ trợ tài sản, cây cối hoa màu cho Nhân dân *(hiện nay trên địa bàn xã Mường Bú còn một số hộ có diện tích cây cối, hoa màu bị ngập úng nhưng chưa được bồi thường, hỗ trợ)*.
2.5	Thực hiện kiểm đếm, đền bù và thực hiện quy trình giải phóng mặt bằng bàn giao đất cho Ban quản lý hoàn thiện Khu công nghiệp Mai Sơn (Giai đoạn I) và tổ chức đi vào kinh doanh khai thác, mời gọi các Nhà đầu tư tham gia đầu tư, kinh doanh trong Khu công nghiệp, đồng thời tổ chức giao đất cho Nhà máy điện mặt trời Mai Sơn để Nhà đầu tư triển khai dự án. Trình quy hoạch giai đoạn II và triển khai các bước điều chỉnh, mở rộng khu công nghiệp Mai Sơn theo quy định.
2.6	Đối với khu đất của Công ty cổ phần lương thực Sơn La có địa chỉ tại tiểu khu 4 thị trấn Mộc Châu với diện tích đất là 2540 m^2. Đối với khu đất này Công ty cổ phần lương thực Sơn La đã hết hạn thuê đất từ ngày 01/6/2016. HĐND tỉnh Sơn La đã thông qua danh mục dự án Nhà nước thu hồi đất tại Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 để thực hiện dự án tiểu công viên tại khu vực này và UBND tỉnh đã có Thông báo số 130/TB-UBND ngày 26/10/2020 về việc thu hồi đất của Công ty cổ phần lương thực Sơn La, UBND huyện Mộc Châu đã phê duyệt chủ trương đầu tư dự án theo Quyết định số 1207/QĐ ngày 30/5/2019.

TT	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ
	Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa thu hồi được để triển khai dự án. Do vậy, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Công ty cổ phần lương thực Sơn La bàn giao khu đất của Công ty cổ phần lương thực Sơn La có địa chỉ tại tiểu khu 4 thị trấn Mộc Châu để huyện Mộc Châu triển khai dự án theo quy định (*Kiến nghị của cử tri huyện Mộc Châu*).
2.7	Đề nghị xem xét có phương án quản lý đất và trụ sở của các Hạt quản lý giao thông của 2 tuyến đường: (1) Đường Quốc lộ 4G (gồm có Hạt 1 tại tiểu khu ngã ba Chiềng Mai, xã Chiềng Mai và Hạt 2 tại bản Ớt Chả, xã Nà Ớt); (2) Đường Tỉnh lộ 110 (gồm có Hạt 110 (cũ) tại tiểu khu 8, xã Nà Bó và Hạt 109 (cũ) tại bản Nà Hường, xã Nà Bó) để phát huy hiệu quả, tránh lãng phí. Trường hợp nếu không sử dụng xem xét bàn giao lại cho UBND xã quản lý, sử dụng *(kiến nghị của cử tri các xã Nà Bó, Nà Ớt và Chiềng Mai, huyện Mai Sơn)*
2.8	Chỉ đạo Công ty cổ phần Giang Sơn xây dựng hoàn thiện đoạn kè suối phía bên các hộ gia đình tại tổ 1, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La để tránh sạt lở đất *(Kiến nghị của cử tri phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La)*
2.9	Chỉ đạo Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT Sơn La, đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng Dự án thoát lũ suối Nậm La, khu vực Chiềng Sinh về Trung tâm thành phố *(Kiến nghị của cử tri phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La)*
2.10	Đẩy mạnh thu hút, tập trung nguồn lực đầu tư, xây dựng kế hoạch lộ trình tổ chức thực hiện Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 28/02/2020 của HĐND tỉnh thông qua chủ trương đầu tư Dự án xây dựng, phát triển khu Du lịch quốc gia Mộc Châu.
2.11	Để nâng cao hiệu quả xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện Thuận Châu, đảm bảo vệ sinh, tạo môi trường sống trong lành cho người dân, hạn chế đến mức tối thiểu sự ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường, kiến nghị UBND tỉnh bố trí kinh phí triển khai dự án giai đoạn 2 theo Quyết định số 2150/QĐ-UBND ngày 25/9/2013 của UBND tỉnh Sơn La phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu chôn lấp và xử lý chất thải rắn huyện Thuận Châu (*Kiến nghị của cử tri huyện Thuận Châu*)
2.12	Sớm thu hồi trạm Đăng kiểm để mở rộng chợ 7/11 và sắp xếp lại khu vực họp chợ tránh gây mất an toàn giao thông tại khu vực (*Kiến nghị của cử tri phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La*)
2.13	Tiếp tục quan tâm, cho chủ trương đầu tư thực hiện dự án Kè chống sạt lở đất và hạ tầng khu dân cư suối Muội giai đoạn III, với tổng mức đầu tư khoảng 160 tỷ đồng *(Kiến nghị của cử tri huyện Thuận Châu)*
2.14	Sớm giải quyết dứt điểm Dự án miền trung Tây Nguyên để ổn định cuộc sống cho các hộ dân bị ảnh hưởng (*Kiến nghị của cử tri phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La*)
2.15	Sớm giải quyết dứt điểm Dự án khu đô thị Hoàng Long để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy phép xây dựng nhà ở, sớm ổn định cuộc sống cho các hộ dân bị ảnh hưởng (*Kiến nghị của cử tri phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La*)

TT	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ
2.16	Xem xét có phương án quy hoạch chuyển Công ty Mía đường Sơn La ra khỏi khu đô thị dân cư vì hoạt động của Công ty Mía đường Sơn La ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt, nguồn nước của nhân dân tiểu khu 1 nói riêng, khu vực trung tâm thị trấn nói chung (*Kiến nghị của cử tri tiểu khu 1, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn)*
2.17	Sớm thu hồi diện tích đất tại tiểu khu 6, thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu do Công ty cổ phần lương thực Sơn La đang quản lý, giao lại cho huyện Thuận Châu để thực hiện quy hoạch đã được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu và Quyết định số 2633/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu giai đoạn 2017-2030. *Lý do*: Công ty Lương thực Sơn La thuê đất để kinh doanh sai mục đích tại tiểu khu 10 thị trấn huyện Thuận Châu *(nay là tiểu khu 6 thị trấn Thuận Châu)* theo Quyết định số 550/QĐ-UB ngày 24/3/1998 của UBND tỉnh Sơn La là 20 năm; thời điểm tính thuê đất: từ ngày 01/01/1996. Đến nay đã hết thời hạn cho thuê đất của Công ty cổ phần lương thực Sơn La kể từ ngày 01/01/2016 (*Kiến nghị của cử tri huyện Thuận Châu*)
2.18	Năm 2023 UBND xã Muổi Nọi, huyện Thuận Châu được UBND huyện giao thu 16.000.000 đồng từ quỹ đất công ích 5% vì quỹ đất đã được chia cho các hộ gia đình từ năm 1999, hiện rất khó khăn cho việc thực hiện Quyết định 41/2022/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh cụ thể: Trên địa bàn xã có tổng diện tích đất 5% là 18.225m2 và được chia cho 542 hộ; trong đó hộ có nhiều diện tích nhất chỉ có 131 m2, hộ có diện tích ít nhất là 10m2. Do vậy diện tích đất giao cho các hộ gia đình là rất ít nên không thể làm hợp đồng thuê đất đối với từng hộ gia đình được. Việc cho thuê đất từ năm 1994 đến nay đã qua nhiều thời kỳ làm việc, sổ theo dõi đã bị thất lạc, có hộ gia đình cũng đã dồn điền đổi thửa nên không xác định được thửa đất của các hộ thuê đất ở số lô, số thửa nào. Nếu xác định số lô, số thửa cho các hộ cho thuê sẽ rất mất nhiều thời gian và tốn nhiều kinh phí. Đề nghị cấp có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện Quyết định 41/2022/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất, để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Sơn La (*Kiến nghị của cử tri xã Muổi Nọi, huyện Thuận Châu*)
2.19	Sớm khảo sát, đầu tư làm đường nhựa tuyến đường liên xã từ trung tâm xã Chiềng Tương, huyện Yên Châu đến trung tâm xã Chiềng Khừa, huyện Mộc Châu để thuận lợi cho việc đi lại và trao đổi hàng hóa của nhân dân hai bản, hai xã (*Kiến nghị của cử tri xã Chiềng Tương, huyện Yên Châu*)
2.20	Chỉ đạo Sở Giao thông - Vận tải chủ trì, phối hợp với UBND huyện Mường La khảo sát, xây dựng cống thoát nước, rãnh thoát nước trên quốc lộ 279D đoạn qua khu vực dân cư bản Két, bản Tạ Bú, bản Mòn, xã Tạ Bú, huyện Mường La vì khi vào mùa mưa lũ đoạn đường này thường bị ngập úng, đất đá tràn ra đường gây ảnh hưởng đến giao thông đi lại của Nhân dân và ô nhiễm môi trường (*Kiến nghị của cử tri xã Tạ Bú, huyện Mường La*)

TT	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ
2.21	Quan tâm đầu tư tuyến đường tránh đoạn Nhà máy may DNN - tổ 1, phường Quyết Tâm qua đường Chu Văn An đến đường Nguyễn Chí Thanh để giảm ách tắc giao thông, thuận tiện cho Nhân dân đi lại (*Kiến nghị của cử tri phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La*).
2.22	Quan tâm đầu tư xây dựng mới trụ sở phường Quyết Tâm tại khu đất Công ty cổ phần bia thực phẩm Sơn La (*Kiến nghị của cử tri phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La*).
2.23	Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu tại thành phố Sơn La - đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 157/NQ-HĐND ngày 10/01/2023 của HĐND tỉnh (*Kiến nghị của cử tri phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La*).
2.24	Đề nghị giải quyết dứt điểm việc thu hồi đất của 10 hộ dân tại bản Nà Hì (*nay là bản He*), xã Chiềng Khoang, huyện Quỳnh Nhai nằm trên khu đất của công ty TNHH Thảo Yến khai thác để bàn giao cho xã quản lý theo Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 12/12/2013 của UBND tỉnh Sơn La.
2.25	Trong thời gian qua, các tiểu khu trên địa bàn thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn đã tuyên truyền vận động Nhân dân thực hiện xã hội hóa xây dựng đường điện ở các ngõ xóm và được Điện lực Mai Sơn hợp đồng cấp điện theo quy định. Hầu hết các tiểu khu đều được hỗ trợ tiền điện thắp sáng theo Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 01/11/2021 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ chi trả tiền điện chiếu sáng tại các đường ngõ, xóm thuộc các tổ, bản, tiểu khu thuộc đô thị trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2022 - 2025. Tuy nhiên, tại Hướng dẫn số 105/HD-SXD ngày 20/9/2023 của Sở Xây dựng về thực hiện một số nội dung Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 01/11/2021 của HĐND tỉnh, thì tiểu khu 12 và tiểu khu 18, thị trấn Hát Lót không được hỗ trợ theo Nghị quyết (Lý do: Nằm ngoài địa giới hành chính thị trấn Hát Lót (mốc 364) và không nằm trong phạm vi, ranh giới theo Đồ án quy hoạch đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 25/7/2019 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung đô thị Hát Lót, tỉnh Sơn La đến năm 2035). Cử tri đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh các văn bản quy định, hướng dẫn để tiểu khu 12, tiểu khu 18 thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn được hỗ trợ tiền điện thắp sáng ngõ, xóm như các tiểu khu khác trên địa bàn thị trấn. Lý do: (1) Thị trấn Hát Lót được công nhận đô thị loại 4 bao gồm cả tiểu khu 12, tiểu khu 18, thị trấn Hát Lót; (2) Mọi chế độ chính sách đối với tiểu khu 12, tiểu khu 18 đều thực hiện theo chế độ đô thị (ví dụ như xét hộ nghèo theo tiêu chí đô thị chứ không theo tiêu chí nông thôn; việc đóng các khoản học phí cho con, em đi học theo mức khu vực đô thị; thực hiện các tiêu chí xây dựng đô thị văn minh...) *(Kiến nghị của cử tri tiểu khu 12, tiểu khu 18, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn)*
2.26	Đề nghị sớm cho chủ trương đầu tư và kinh phí thực hiện dự án 02 dự án: Khu xử lý rác thải sinh hoạt huyện Quỳnh Nhai (tổng mức đầu tư: 14.652 triệu đồng); hệ thống xử lý nước thải khu trung tâm huyện Quỳnh Nhai (tổng mức đầu tư dự kiến 14.801 triệu đồng). Ngày 02/8/2023, UBND huyện Quỳnh Nhai đã có Tờ trình số 314/TTr-UBND gửi UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc cho phép lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư 02 dự án nêu trên *(Kiến nghị của cử tri huyện Quỳnh Nhai)*

TT	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ
2.27	Đẩy nhanh tiến độ đầu tư tuyến đường liên xã Chiềng Khừa - Lóng Sập, huyện Mộc Châu (đi qua bản Suối Đon) - dự án được phê duyệt tại Quyết định số 2520/QĐ-UBND ngày 25/11/2023 của UBND tỉnh về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông liên xã Bản Khừa - Suối Đon, xã Chiềng Khừa đến bản Pha Đón, A Má xã Lóng Sập. Đến thời điểm hiện tại mới tổ chức xin ý kiến, thống nhất về tác động môi trường *(Kiến nghị của cử tri xã Chiềng Khừa, huyện Mộc Châu)*
2.28	Đề nghị đẩy nhanh tiến độ thi công tuyến đường Mường La - Bắc Yên đoạn qua bản Tả, bản Áng Nghịu, bản Hin Phá, bản Mường Pia, bản Chông, xã Chiềng Hoa, huyện Mường La - Dự án được phê duyệt tại Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 27/05/2021 của UBND tỉnh: Cải tạo, nâng cấp đường nối Quốc lộ 37 huyện Bắc Yên và Quốc lộ 179D huyện Mường La, tỉnh Sơn La *(Kiến nghị của cử tri xã Chiềng Hoa, huyện Mường La)*
2.29	Huyện Quỳnh Nhai là địa phương bị ảnh hưởng lớn bởi dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn La, nhưng không có nhiều nhà máy thủy điện có công suất dưới 100MW. Do vậy, không có nguồn thu từ thuế tài nguyên nước và thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng từ hoạt động của các nhà máy thủy điện có công suất dưới 100MW. Đề nghị HĐND, UBND tỉnh có cơ chế ưu tiên cân đối bố trí kinh phí từ nguồn thu thuế tài nguyên nước Thủy điện Sơn La, bổ sung thêm định mức dự toán chi thường xuyên hàng năm cho huyện Quỳnh Nhai để đảm bảo 3 nguồn lực cho địa phương đầu tư sửa chữa các công trình cơ sở hạ tầng, hỗ trợ sản xuất, giải quyết các vướng mắc trong công tác tái định cư trên địa bàn huyện *(Kiến nghị của cử tri huyện Quỳnh Nhai)*
	Về giải pháp để khắc phục tình trạng tái diễn ô nhiễm môi trường do chế biến cà phê vào các niên vụ sau trong bối cảnh thời gian tới cây cà phê sẽ tiếp tục tăng cả về diện tích và sản lượng: Đề nghị Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục tập trung lãnh đạo trong ngành và tham mưu với UBND tỉnh để chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp một số nội dung sau:
2.30	Tiếp tục tham mưu tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp được các cấp có thẩm quyền giao về công tác bảo vệ môi trường.
2.31	Duy trì và tăng cường hoạt động các Tổ kiểm tra, giám sát về môi trường đối với các dự án, cơ sở chế biến nông sản đã được thành lập; huy động sự vào cuộc của tất cả các ngành, địa phương trong việc rà soát, kiểm soát chặt chẽ các dự án, cơ sở có nguồn thải thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường thuộc phạm vi quản lý. Tăng cường công tác quan trắc môi trường và đa dạng sinh học, nâng cao năng lực cảnh báo, dự báo về chất lượng môi trường.
2.32	Nghiên cứu xây dựng và ban hành quy hoạch vùng trồng cà phê gắn với vùng chế biến và bảo vệ môi trường. Triển khai hiệu quả Đề án phát triển nguyên liệu chế biến cà phê gắn với chế biến, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh theo Kết luận số 863-KL/TU ngày 11/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

TT	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ
2.33	Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về môi trường theo hướng thực hiện đơn giản hoá về điều kiện và cách thức thực hiện, bãi bỏ các thủ tục hành chính không thực sự cần thiết cho công tác quản lý môi trường; lồng ghép, tích hợp việc thẩm định các thủ tục hành chính liên quan trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Thực hiện chuyển đổi số đối với lĩnh vực môi trường.
2.34	Chủ tịch UBND các cấp thực hiện nghiêm túc, hiệu quả cam kết bảo vệ môi trường hằng năm với UBND cấp trên. Chấp hành chế độ báo cáo định kỳ, thường xuyên, đột xuất để kịp thời phát hiện, đề xuất có biện pháp ứng phó; đồng thời, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, của cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường, đặc biệt là tuyên truyền Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
3	**Lĩnh vực văn hoá - xã hội (11 nội dung)**
	Về giải pháp để nâng cao xếp hạng và các chỉ số chính chuyển đổi số (DTI) trong năm 2023 và những năm tiếp theo
3.1	Chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách của tỉnh để tạo môi trường pháp lý và các nguồn lực thúc đẩy, tạo đột phá cho chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh; hoàn thành trong Quý II/2023
3.2	Nghiên cứu, trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 124/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích nâng cao chất lượng dạy và học trong hoạt động giáo dục và đào tạo tỉnh Sơn La. Do hiện nay học sinh lớp 6, lớp 7 đang thực hiện đánh giá xếp loại học sinh cuối năm học (*chương trình mới*) theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo nên không có các danh hiệu đánh giá học sinh cuối năm học theo Nghị quyết số 124/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh (*Kiến nghị của cử tri huyện Mộc Châu*)
	Về giải pháp khắc phục tình trạng thiếu thuốc, thiếu vật tư, trang thiết bị trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới
3.3	Quan tâm và quyết liệt chỉ đạo, phân công cho các sở, ngành có liên quan chủ động phối hợp chặt chẽ với Sở Y tế và các cơ sở y tế thực hiện việc mua sắm, đấu thầu nhằm bảo đảm cung ứng kịp thời thuốc, vật tư tiêu hao, trang thiết bị y tế
	Về giải pháp khắc phục tình trạng thiếu giáo viên một số bộ môn như Tiếng Anh, Tin học trong thời gian tới
3.4	Chỉ đạo các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố phối hợp rà soát các cơ sở giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh sau sắp xếp, sáp nhập để bố trí nguồn lực đầu tư trang thiết bị phục vụ học tập của học sinh (điều tiết phù hợp giữa các trường thuận lợi và các trường không thuận lợi)

TT	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ
3.5	Đề nghị sớm triển khai Đài Truyền thanh không dây ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông theo Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 18/5/2023 của UBND tỉnh Sơn La *(Kiến nghị của cử tri huyện Quỳnh Nhai)*
3.6	Đề nghị Bảo hiểm xã hội Việt Nam: Hiện nay, mức đóng bảo hiểm y tế đối với hộ gia đình quy định cao so với thu nhập thực tế của hội viên Hội cựu chiến binh. Đề nghị cấp có thẩm quyền quan tâm hỗ trợ kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế đối với các đồng chí là hội viên Hội Cựu chiến binh tham gia bảo vệ Tổ quốc sau 1975 - 1986 (những trường hợp nhập ngũ và làm nhiệm vụ ở trong tỉnh, không tham gia chiến đấu ở biên giới phía Bắc và không thuộc đối tượng được hưởng chế độ theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 và Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Chính phủ) *(Kiến nghị của cử tri xã Tân Lang, huyện Phù Yên)*
	Về giải pháp để triển tổ chức thi, xét thăng hạng đối với giáo viên trên địa bàn tỉnh:
	Đề nghị Giám đốc Sở Nội vụ tiếp tục tập trung lãnh đạo trong ngành và tham mưu với UBND tỉnh để chỉ đạo thực hiện theo phân cấp một số nội dung sau:
3.7	Rà soát, nghiên cứu các văn bản của Trung ương về bổ nhiệm, chuyển xếp hạng và tổ chức xét/thi thăng hạng để triển khai thực hiện kịp thời, đảm bảo quyền lợi cho giáo viên.
3.8	Đẩy nhanh việc thực hiện chuyển xếp hạng cho giáo viên từ hạng III lên hạng II theo phân cấp quy định và báo cáo kết quả về Thường trực HĐND tỉnh trước quý III/2024.
3.9	Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện, thành phố thường xuyên rà soát giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng đủ điều kiện được thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thực hiện chuyển xếp hạng cho giáo viên đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng với các quy định hướng dẫn của Trung ương.
	Đề nghị Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục tập trung lãnh đạo trong ngành và với UBND tỉnh để chỉ đạo thực hiện theo phân cấp một số nội dung sau:
3.10	Tiếp tục phối hợp với Sở Nội vụ có văn bản chỉ đạo UBND các huyện, thành phố rà soát các tiêu chuẩn, điều kiện để bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông công lập đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.
3.11	Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc rà soát giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng đủ điều kiện được xét/thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thực hiện chuyển xếp hạng cho giáo viên theo phân cấp quản lý đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng với các quy định hướng dẫn của các Bộ, Ngành Trung ương.
4	**Lĩnh vực dân tộc (07 nội dung)**
4.1	Đề nghị Công ty Cổ phần Cao su Sơn La xem xét trả lại diện tích đất Công ty không sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả cho nhân dân xã Xuân Nha, huyện Vân Hồ.

TT	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ
	Về giải pháp triển khai thực hiện Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 28/02/2020 của HĐND tỉnh trong thời gian tới
4.2	Chỉ đạo chủ động nghiên cứu, rà soát tổng thể các văn bản quy định về cơ chế, chính sách mới của Trung ương, các Nghị quyết về cơ chế, chính sách đã trình HĐND tỉnh ban hành để kịp thời xây dựng và ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngay sau khi Chính phủ ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ
4.3	Nghiên cứu sớm xây dựng trình ban bành chính sách hỗ trợ các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 21/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản tập trung, bền vững, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (*Kiến nghị của cử tri xã Chiềng Ban, Chiềng Chung, Chiềng Dong, huyện Mai Sơn*)
4.4	Đề nghị Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh sớm đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường từ ngã ba bản Phiêng Lời đi bản Lọng Bong theo Công văn số 2634/UBND-TH ngày 12/7/2022 của UBND tỉnh về việc giao chủ đầu tư các dự án thuộc ngân sách cấp tỉnh thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2022 (*về hướng tuyến đề nghị giữ nguyên hướng tuyến đường cũ để đường không bị ngập và bảo vệ được ruộng lúa của Nhân dân*) – *Kiến nghị của cử tri xã Hua Trai, huyện Mường La*
4.5	Đề nghị Công ty cổ phần cao su Sơn La: Giải quyết tình trạng xe chở mủ cao su không có thiết bị chuyên dùng che chắn, mủ cao su rơi vãi trên đường vận chuyển gây hôi thối, ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe người dân và người tham gia giao thông (nội dung này đã được cử tri kiến nghị tại các kỳ tiếp xúc cử tri trước, Công ty cao su đã chuyển sang phương án vận chuyển đi đường Bó Mười, huyện Thuận Châu thay vì đi đường Quốc lộ 279D như trước nhưng xe chở mủ cao su vẫn không có thiết bị chuyên dùng che đậy gây ô nhiễm môi trường) *(Kiến nghị của cử tri xã Mường Bú, huyện Mường La)*
4.6	Cử tri các xã có diện tích trồng cây cao su đề nghị tỉnh có chính sách hỗ trợ kinh phí cho các hộ gia đình góp đất trồng cây cao su để ổn định đời sống *(Kiến nghị của cử tri huyện Thuận Châu)*
4.7	Đề nghị Công ty Cổ phần cao su Sơn La sớm giải quyết trả lại diện tích đất trồng cây cao su kém hiệu quả để Nhân dân sử dụng vào việc sản xuất, phục vụ đời sống (*Kiến nghị của cử tri xã Chiềng Bằng, huyện Quỳnh Nhai*).

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 343/NQ-HĐND	*Sơn La, ngày 11 tháng 7 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Về chương trình giám sát năm 2025 của HĐND tỉnh Khoá XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn hoạt động giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND;

Xét Tờ trình số 72/TTr-TTHĐND ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Thường trực HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua chương trình giám sát năm 2025 của HĐND tỉnh khoá XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026, với các nội dung sau:

1. Tại Kỳ họp giữa năm 2025

(1) Báo cáo công tác 06 tháng đầu năm, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025 của Thường trực HĐND tỉnh, Ban của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và Cục thi hành án dân sự tỉnh.

(2) Các báo cáo của UBND tỉnh về: Kinh tế - Xã hội 06 tháng đầu năm, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2025; thực hiện ngân sách nhà nước 06 tháng đầu năm, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2025; tình hình phân bổ và thực hiện kế hoạch đầu tư công 06 tháng đầu năm, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2025; công tác phòng, chống tham nhũng 06 tháng đầu năm, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2025; công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 06 tháng đầu năm, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2025; công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật 06 tháng đầu năm, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2025; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri 06 tháng đầu năm 2025.

- Giám sát chuyên đề tại Kỳ họp: Về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến HĐND tỉnh.

- Tiến hành hoạt động chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn tại Kỳ họp HĐND tỉnh.

2. Tại Kỳ họp cuối năm 2025

- Giám sát thông qua việc xem xét các báo cáo trình Kỳ họp:

(1) Báo cáo công tác năm 2025, nhiệm vụ 2026 của Thường trực HĐND tỉnh, Ban của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và Cục thi hành án dân sự tỉnh.

(2) Các báo cáo của UBND tỉnh về: Kinh tế - Xã hội năm 2025, nhiệm vụ năm 2026; thực hiện ngân sách nhà nước năm 2025, nhiệm vụ năm 2026; tình hình phân bổ và thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2025, nhiệm vụ năm 2026; quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024; công tác phòng, chống tham nhũng năm 2025, nhiệm vụ năm 2026; công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025, nhiệm vụ năm 2026; công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật năm 2025, nhiệm vụ năm 2026; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri năm 2025; thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân năm 2025.

- Giám sát chuyên đề tại Kỳ họp: Về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến HĐND tỉnh.

- Tiến hành hoạt động chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn tại kỳ họp HĐND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

HĐND, Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND, Tổ Đại biểu HĐND và Đại biểu HĐND tỉnh và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày được thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 344/NQ-HĐND	*Sơn La, ngày 11 tháng 7 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Thông qua những nội dung Thường trực HĐND tỉnh đã xem xét, giải quyết theo đề nghị của UBND tỉnh từ Kỳ họp thứ tám đến Kỳ họp thứ chín, HĐND tỉnh khóa XV

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 9 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 191/NQ-UBTVQH14 ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc giải quyết những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp của HĐND;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh về ban hành Quy chế hoạt động của HĐND tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2016 - 2021;

Xét Tờ trình số 71/TTr-TTHĐND ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Thường trực HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua 04 nội dung Thường trực HĐND tỉnh đã xem xét giải quyết theo đề nghị của UBND tỉnh từ kỳ họp thứ tám đến kỳ họp thứ chín, HĐND tỉnh *(có Phụ lục chi tiết kèm theo).*

Điều 2. Nghị quyết này được HĐND tỉnh Sơn La khóa XV, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH ĐÃ XEM XÉT GIẢI QUYẾT GIỮA HAI KỲ HỌP
(Kèm theo Nghị quyết số 344/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh)

STT	Nội dung	Số văn bản trả lời của Thường trực HĐND tỉnh	
1	Tờ trình số 216/TTr-UBND ngày 03/12/2023 của UBND tỉnh về việc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La.	Công văn số 867/TTHĐND	Ngày 14/12/2023
2	Tờ trình số 227/TTr-UBND ngày 15/12/2023 của UBND tỉnh về việc bổ sung dự toán ngân sách năm 2023 để hạch toán ghi thu - ghi chi khấu trừ tiền bồi thường, GPMB nhà đầu tư đã ứng trước thực hiện dự án khu đô thị phường Chiềng Lề và phường Chiềng An, Thành phố Sơn La.	Công văn số 876/TTHĐND	Ngày 19/12/2023
3	Tờ trình số 228/TTr-UBND ngày 16/12/2023 của UBND tỉnh về bổ sung dự toán ngân sách năm 2023 để hạch toán ghi thu - ghi chi khấu trừ tiền bồi thường, GPMB nhà đầu tư đã ứng trước thực hiện dự án Khu đô thị bản Buổn, bản Mé, phường Chiềng Cơi, Thành phố Sơn La.	Công văn số 876/TTHĐND	Ngày 19/12/2023
4	Tờ trình số 87/TTr-UBND ngày 29/5/2024 của UBND tỉnh cho chủ trương hỗ trợ kinh phí ngân sách năm 2024 - Đơn vị: Đoàn 326 - Quân khu 2, để khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra.	Công văn số 1033/TTHĐND	Ngày 05/6/2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 345/NQ-HĐND	*Sơn La, ngày 12 tháng 7 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Về thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn NSNN giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Công văn số 4488/BKHĐT-TH ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 144/2020/NQ-HĐND ngày 02 tháng 11 năm 2020 của HĐND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 117/TTr-UBND ngày 27 ngày 6 tháng 2024; Báo cáo số 325/BC-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 822/BC-KTNS ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025, như sau:

1. Tổng mức vốn dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025 là 8.365.034 triệu đồng, cụ thể:

1.1. Nguồn vốn đầu tư công ngân sách địa phương: 3.271.098 triệu đồng. Trong đó: Nguồn bổ sung cân đối ngân sách địa phương 1.414.598 triệu đồng; Nguồn thu tiền sử dụng đất 1.764.581 triệu đồng; Nguồn thu xổ số kiến thiết 57.475 triệu đồng; Nguồn bội chi ngân sách địa phương 34.444 triệu đồng.

1.2. Nguồn vốn đầu tư công ngân sách Trung ương: 5.093.936 triệu đồng.

Gồm:

a) Vốn trong nước: 5.033.936 triệu đồng, trong đó:

- Bố trí vốn thực hiện các dự án theo ngành, lĩnh vực: 428.780 triệu đồng

- Bố trí vốn thực hiện các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh bền vững: 3.526.006 triệu đồng.

- Vốn thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia: 1.079.151 triệu đồng.

b) Vốn nước ngoài: 60.000 triệu đồng.

2. Dự kiến phương án bố trí kế hoạch năm 2025

2.1. Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương: 3.271.098 triệu đồng, trong đó:

a) Nguồn vốn bổ sung cân đối ngân sách địa phương: 1.414.598 triệu đồng.

- Ngân sách tỉnh (80%): 1.131.678 triệu đồng.

- Ngân sách huyện (20%): 282.920 triệu đồng.

b) Nguồn thu xổ số kiến thiết: 57.475 triệu đồng.

c) Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 1.764.581 triệu đồng.

d) Nguồn bội chi ngân sách địa phương: 34.444 triệu đồng.

2.2. Kế hoạch đầu tư công ngân sách Trung ương: 5.093.936 triệu đồng

a) Vốn trong nước: 5.033.936 triệu đồng.

- Thực hiện các dự án theo ngành, lĩnh vực: 428.780 triệu đồng, trong đó: bố trí hoàn trả vốn ứng trước 79.273 triệu đồng.

- Thực hiện các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh bền vững: 3.526.006 triệu đồng, trong đó: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ Cao tốc Hoà Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến trên địa bàn tỉnh Sơn La: 3.400.000 triệu đồng.

- Thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: 1.079.151 triệu đồng, gồm:

+ Chương trình MTQG xây dựng NTM: 117.165 triệu đồng.

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 84.087 triệu đồng.

+ Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số: 877.899 triệu đồng.

b) Vốn nước ngoài (vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA): 60.000 triệu đồng thực hiện 02 dự án ODA.

(có các Biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XV, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01

ƯỚC TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CỦA TỈNH SƠN LA

(Kèm theo Nghị quyết số 345/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Năm 2024			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2024	Nhu cầu kế hoạch năm 2025	Dự kiến kế hoạch năm 2025	Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân từ 01/01/2024 đến ngày 20/6/2024	Ước giải ngân từ 01/01/2024 đến ngày 31/01/2025					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
	TỔNG SỐ	**4.338.962**	**1.190.000**	**4.285.362**	**25.945.770**	**17.893.661**	**8.365.034**	**8.365.034**	
I	**Kế hoạch vốn kéo dài thời hạn giải ngân thanh toán sang năm 2024**	**499.637**	**59.115**	**499.637**					
II	**Kế hoạch vốn năm 2024**	**3.839.325**	**1.130.885**	**3.785.725**	**25.945.770**	**17.893.661**	**8.365.034**	**8.365.034**	
1	***Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương***	***1.967.731***	***499.705***	***1.914.131***	***10.611.200***	***7.304.771***	***3.271.098***	***3.271.098***	
	Trong đó:								
-	Nguồn bổ sung cân đối	964.131	370.350	964.131	5.185.100	3.770.502	1.414.598	1.414.598	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất	855.000	101.933	855.000	4.900.000	3.135.419	1.764.581	1.764.581	
-	Nguồn thu xổ số kiến thiết	57.000	12.158	57.000	285.000	227.525	57.475	57.475	
-	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	91.600	15.264	38.000	241.100	171.325	34.444	34.444	
2	***Vốn ngân sách trung ương***	***1.871.594***	***631.180***	***1.871.594***	***15.334.570***	***10.588.890***	***5.093.936***	***5.093.936***	
2.1	***Vốn trong nước***	***1.814.594***	***615.551***	***1.814.594***	***14.737.160***	***10.123.286***	***5.033.936***	***5.033.936***	
-	Thực hiện các dự án theo ngành, lĩnh vực	489.799	76.594	489.799	8.117.627	4.700.997	428.780	428.780	
-	Bố trí vốn thực hiện các dự án kết nối, có tác động	180.791	20.306	180.791	2.299.000	2.180.927	3.526.006	3.526.006	

STT	Nguồn vốn	Năm 2024			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2024	Nhu cầu kế hoạch năm 2025	Dự kiến kế hoạch năm 2025	Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân từ 01/01/2024 đến ngày 20/6/2024	Ước giải ngân từ 01/01/2024 đến ngày 31/01/2025					
	liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nhanh bền vững								
	TĐ: Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ Cao tốc Hoà Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến trên địa bàn tỉnh Sơn La						3.400.000	3.400.000	
-	Thực hiện các Chương trình MTQG	1.144.004	518.651	1.144.004	4.320.533	3.241.362	1.079.151	1.079.151	
+	Chương trình MTQG xây dựng NTM	117.115	68.539	117.115	642.140	524.975	117.165	117.165	
+	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	154.590	29.463	154.590	559.894	475.807	84.087	84.087	
+	Chương trình phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số	872.299	420.649	872.299	3.118.499	2.240.580	877.899	877.899	
2.2	***Vốn nước ngoài***	***57.000***	***15.629***	***57.000***	***597.410***	***465.604***	***60.000***	***60.000***	

Biểu số 02

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2024 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2025 THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Nghị quyết số 345/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2024						Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025						Dự kiến kế hoạch 2025				Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Giải ngân từ ngày 01/01/2024 đến ngày 20/6/2024		Ước giải ngân từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/01/2025		Giai đoạn 2021 - 2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
														Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
	TỔNG SỐ				**3.541.408**	**3.204.466**	**489.799**	**489.799**	**76.594**	**76.594**	**457.513**	**457.513**	**3.026.651**	**79.273**		**2.720.433**			**428.780**	**428.780**	**79.273**		
I	**QUỐC PHÒNG**				**80.380**	**79.258**							**79.258**						**79.258**	**79.258**			
a	**Dự án khởi công mới năm 2025**				**80.380**	**79.258**							**79.258**						**79.258**	**79.258**			
1	Dự án Đầu tư xây dựng cửa khẩu chính Lóng Sập tỉnh Sơn La thành cửa khẩu quốc tế	Huyện Mộc Châu	2022 - 2025	2466 NQ-HĐND 16/6/2016; 279 NQ-HĐND 12/5/2021	80.380	79.258							79.258						79.258	79.258			
II	**NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIÊM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN**				**482.344**	**481.344**	**128.597**	**128.597**	**4.287**	**4.287**	**128.597**	**128.597**	**477.874**	**44.774**		**433.100**			**80.884**	**80.884**	**44.774**		
a	**Dự án hoàn thành trước 31/12/2024**				**129.244**	**128.244**	**17.923**	**17.923**	**310**	**310**	**17.923**	**17.923**	**124.774**	**44.774**		**80.000**			**44.774**	**44.774**	**44.774**		
1	Công trình sửa chữa, nâng cấp Hồ bản Lương, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn la			2052 14/9/2013	12.028	12.028							10.478	10.478					10.478	10.478	10.478		
2	Dự án ĐCĐC tập trung bản Huổi Lạ xã Mường Lèo huyện Sốp Cộp			1101 30/6/2015	8.000	8.000							7.447	7.447					7.447	7.447	7.447		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2024						Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025						Dự kiến kế hoạch 2025				Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Giải ngân từ ngày 01/01/2024 đến ngày 20/6/2024		Ước giải ngân từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/01/2025		Giai đoạn 2021 - 2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
														Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
3	Cải tạo, nâng cấp hồ chứa nước Đen Phường, xã Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La			3015 13/12/2013	13.327	13.327							12.974	12.974					12.974	12.974	12.974		
4	Xử lý khẩn cấp hồ chứa nước bản Muông, xã Chiềng Cọ, Thành phố Sơn La			3118 20/12/2013	14.889	14.889							13.875	13.875					13.875	13.875	13.875		
5	Kè chống sạt lở suối Vạt bảo vệ thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (giai đoạn II)	Huyện Yên Châu	2022 - 2024	276 NQ-HĐND 12/5/2021; 231 10/02/2022	81.000	80.000	17.923	17.923	310	310	17.923	17.923	80.000			80.000							
c	**Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025**				**353.100**	**353.100**	**110.674**	**110.674**	**3.977**	**3.977**	**110.674**	**110.674**	**353.100**			**353.100**			**36.110**	**36.110**			
1	Dự án Bảo tồn và phát triển bền vững các khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Sơn La	05 khu rừng đặc dụng	2021 - 2024	1092 31/5/2021	153.100	153.100	27.086	27.086	3.208	3.208	27.086	27.086	153.100			153.100			24.242	24.242			
2	Dự án phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh Sơn La	12 huyện, TP	2022 - 2025	276 NQ-HĐND 12/5/2021; 2926 30/11/2021	200.000	200.000	83.588	83.588	769	769	83.588	83.588	200.000			200.000			11.868	11.868			
III	**GIAO THÔNG**				**2.358.303**	**2.024.281**	**158.578**	**158.578**	**46.526**	**46.526**	**126.292**	**126.292**	**1.904.020**			**1.904.020**			**197.776**	**197.776**			
a	**Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025**				**2.358.303**	**2.024.281**	**158.578**	**158.578**	**46.526**	**46.526**	**126.292**	**126.292**	**1.904.020**			**1.904.020**			**197.776**	**197.776**			
1	Nâng cấp đường giao thông nối	Huyện Bắc Yên,	2021 -	1027 27/5/2021	857.800	857.800	57.801	57.801	21.616	21.616	57.801	57.801	847.800			847.800			146.898	146.898			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2024						Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025						Dự kiến kế hoạch 2025				Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Giải ngân từ ngày 01/01/2024 đến ngày 20/6/2024		Ước giải ngân từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/01/2025		Giai đoạn 2021 - 2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
														Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
	Quốc lộ 37 (huyện Bắc Yên) với QL. 279D (huyện Mường La), tỉnh Sơn La	Mường La	2024																				
2	Cải tạo, nâng cấp Đường tỉnh 113 (đoạn Phiêng Phụ - thị trấn Sông Mã), huyện Sông Mã	Huyện Sông Mã	2021 - 2024	1085 31/5/2021	112.993	112.993	7.993	7.993			7.993	7.993	112.993			112.993			23.378	23.378			
3	Nâng cấp đường giao thông Nậm Ty, huyện Sông Mã - Mường Chanh, huyện Mai Sơn (đoạn trung tâm xã Nậm Ty đi bản Pá Lành, xã Nậm Ty, huyện Sông Mã - bản Nà Kẹ, xã Nậm Lầu), tỉnh Sơn La	Huyện Mai Sơn, Sông Mã	2021 - 2024	1086 31/5/2021	130.000	130.000	32.286	32.286	5.428	5.428			130.000			130.000							
4	Đường giao thông từ Chiềng Khoi - Phiêng Khoài, huyện Yên Châu	Huyện Yên Châu	2021 - 2024	1084 31/5/2021	157.510	157.510	12.387	12.387	9.253	9.253	12.387	12.387	157.510			157.510			10.900	10.900			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2024						Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025						Dự kiến kế hoạch 2025				Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Giải ngân từ ngày 01/01/2024 đến ngày 20/6/2024		Ước giải ngân từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/01/2025		Giai đoạn 2021 - 2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
														Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
5	Đường giao thông từ Tiểu khu 263, xã Cò Nòi đến Tiểu khu 10, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn	Huyện Mai Sơn	2022 - 2025	2841 19/11/2021	500.000	327.067	5.393	5.393			5.393	5.393	312.999			312.999			16.600	16.600			
6	Đường trục chính đô thị - nội thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Huyện Mộc Châu	2022 - 2025	2108 31/8/2021	600.000	438.911	42.718	42.718	10.228	10.228	42.718	42.718	342.718			342.718							
IV	**DU LỊCH**				**300.000**	**300.000**	**91.300**	**91.300**	**20.782**	**20.782**	**91.300**	**91.300**	**290.000**			**253.637**			**36.363**	**36.363**			
a	**Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025**				**300.000**	**300.000**	**91.300**	**91.300**	**20.782**	**20.782**	**91.300**	**91.300**	**290.000**			**253.637**			**36.363**	**36.363**			
1	Dự án đầu tư xây dựng phát triển khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Huyện Mộc Châu	2021 - 2025	166 NQ-HĐND ngày 12/4/2023	300.000	300.000	91.300	91.300	20.782	20.782	91.300	91.300	290.000			253.637			36.363	36.363			
V	**Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH**				**320.381**	**319.583**	**111.324**	**111.324**	**5.000**	**5.000**	**111.324**	**111.324**	**275.499**	**34.499**		**129.676**			**34.499**	**34.499**	**34.499**		
a	**Dự án hoàn thành trước 31/12/2024**				**320.381**	**319.583**	**111.324**	**111.324**	**5.000**	**5.000**	**111.324**	**111.324**	**275.499**	**34.499**		**129.676**			**34.499**	**34.499**	**34.499**		
1	Bệnh viện đa khoa Quỳnh Nhai	Huyện Quỳnh Nha		335 11/12/2009	78.583	78.583							34.499	34.499					34.499	34.499	34.499		
2	Bệnh viện đa khoa huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La	Huyện Vân Hồ		2221 16/9/2016; 420 22/3/2023	241.798	241.000	111.324	111.324	5.000	5.000	111.324	111.324	241.000			129.676							

Biểu số 03

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2024 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2025 THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN KẾT NỐI, CÁC TÁC ĐỘNG LIÊN VÙNG CÓ Ý NGHĨA THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NHANH, BỀN VỮNG

(Kèm theo Nghị quyết số 345/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Năm 2024						Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Dự kiến kế hoạch 2025				Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Giải ngân từ 1/1/2024 đến 20/6/2024		Ước giải ngân từ 1/1/2024 đến 31/01/2025		Giai đoạn 2021 - 2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	*Trong đó:*		Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	*Trong đó:*		
												Thu hồi các khoản vốn ứng trước	*Thanh toán nợ XDCB*		*Thu hồi các khoản vốn ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*			*Thu hồi các khoản vốn ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*	
	TỔNG SỐ		**11.735.600**	**9.937.636**	**180.791**	**180.791**	**20.306**	**20.306**	**180.791**	**180.791**	**5.517.000**	**0**	**0**	**1.999.827**	**0**	**0**	**3.526.006**	**3.526.006**	**0**	**0**	
1	Đề án Ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng chuyển dân sông Đà xây dựng thủy điện Hòa Bình thuộc tỉnh Sơn La giai đoạn 2011 - 2017	401/QĐ-TTg ngày 27/3/2015	1.656.600	1.396.636	71.368	71.368			71.368	71.368	149.000			149.000							
2	Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La (Đề án 666)	666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018	5.141.000	5.141.000	109.423	109.423	20.306	20.306	109.423	109.423	1.968.000			1.850.827			126.006	126.006			
-	Đường QL 279 (Bản Cút) - Pá Ngà - Púng Luông địa phận huyện Quỳnh Nhai	3078 ngày 31/12/2020	75.922	75.922							80.779			58.832			3.200	3.200			
-	Bệnh viện đa khoa huyện Mường La	194/NQ-HĐND ngày18/4/2020; 16 ngày 10/8/2021	70.000	70.000	10.120	10.120	130	130	10.120	10.120	70.000			70.000			0	0			
-	Nâng cấp, sửa chữa, xây dựng mới cơ sở hạ tầng tại các khu, điểm tái định cư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La	283/NQ-HĐND ngày 26/5/2021	842.685	842.685	99.303	99.303	20.176	20.176	99.303	99.303	842.685			842.685			122.806	122.806			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Năm 2024						Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Dự kiến kế hoạch 2025				Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Giải ngân từ 1/1/2024 đến 20/6/2024		Ước giải ngân từ 1/1/2024 đến 31/01/2025		Giai đoạn 2021 - 2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	*Trong đó:*		Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	*Trong đó:*		
												Thu hồi các khoản vốn ứng trước	*Thanh toán nợ XDCB*		*Thu hồi các khoản vốn ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*			*Thu hồi các khoản vốn ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*	
3	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hoà Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến trên địa bàn tỉnh Sơn La		4.938.000	3.400.000							3.400.000						3.400.000	3.400.000			

Biểu số 04

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2024 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 345/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư							Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025						Năm 2024																Dự kiến KH năm 2025						Ghi chú
			TMĐT												Kế hoạch						Giải ngân từ 1/1/2024 đến 2/06/2024						Ước giải ngân kế hoạch năm 2024 từ 1/1/2024 đến 31/01/2025											
		Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:				
				Vốn đối ứng nguồn NSĐP	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Vốn đối ứng nguồn NSĐP		Vốn nước ngoài				Vốn đối ứng nguồn NSĐP		Vốn nước ngoài				Vốn đối ứng nguồn NSĐP		Vốn nước ngoài				Vốn đối ứng nguồn NSĐP		Vốn nước ngoài				Vốn đối ứng nguồn NSĐP		Vốn nước ngoài			
					Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt				Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Tổng số	Trong đó		
						Tổng số	Trong đó:						Trong đó						Trong đó						Trong đó						Trong đó						
							Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại					Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại					Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại					Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại					Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại					Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại	
1	2	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	44	45	46	47	48	49	50
	TỔNG SỐ		**1.438.819**	**210.276**	**-**	**1.154.879**	**908.360**	**166.518**	**508.226**	**103.134**	**-**	**450.996**	**401.467**	**140.429**	**120.833**	**25.833**	**-**	**95.000**	**57.000**	**30.000**	**37.864**	**687**	**1.622**	**35.893**	**15.629**	**15.264**	**109.705**	**25.242**	**6.773**	**77.690**	**49.829**	**30.000**	**102.444**	**8.000**	**-**	**94.444**	**60.000**	**34.444**	
A	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC		**1.438.819**	**210.276**		**1.154.879**	**908.360**	**166.518**	**508.226**	**103.134**	**-**	**450.996**	**401.467**	**140.429**	**120.833**	**25.833**	**-**	**95.000**	**57.000**	**30.000**	**37.864**	**687**	**1.622**	**35.893**	**15.629**	**15.264**	**109.705**	**25.242**	**6.773**	**77.690**	**49.829**	**30.000**	**102.444**	**8.000**	**-**	**94.444**	**60.000**	**34.444**	
I	**Lĩnh vực tài nguyên và môi trường**		922.205	68.570		670.871	625.087	54.783	320.239	49.263	-	236.880	182.087	54.783	52.542	5.91	-	51.951	31.171	20.780	18.932	-	1.622	17.310	5.386	6.924	41.414	-	6.773	34.641	15.000	20.780	86.333	3.000	-	83.333	50.000	33.333	
1	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sơn La	821 - 2013/2008; 965 - 2215/2021	922.205	68.570	24,16 triệu EURO	670.871	625.087	54.783	320.239	49.263	-	236.880	182.087	54.783	52.542	5.91		51.951	31.171	20.780	18.932	-	1.622	17.310	5.386	6.924	41.414	-	6.773	34.641	15.000	20.780	86.333	3.000		83.333	50.000	33.333	
II	**Y tế, dân số và gia đình**		**267.987**	**53.871**	**-**	**214.116**	**128.470**	**85.646**	**267.987**	**53.871**	**-**	**214.116**	**128.470**	**85.646**	**68.291**	**25.242**	**-**	**43.049**	**25.829**	**17.220**	**18.932**	**687**	**-**	**18.383**	**10.243**	**8.340**	**68.291**	**25.242**	**-**	**43.049**	**25.829**	**17.220**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Dự án đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở - dự án thành phần tỉnh Sơn La	773/QĐ-UBND ngày 02/4/2019	267.987	53.871		214.116	128.470	85.646	267.987	53.871		214.116	128.470	85.646	68.291	25.242		43.049	25.829	17.220	18.932	687		18.383	10.243	8.340	68.291	25.242		43.049	25.829	17.220						
III	**Nông lâm nghiệp thuỷ lợi thuỷ sản**		**340.727**	**87.835**		**260.892**	**234.803**	**26.089**	**-**	**-**	**-**	**-**	**91.900**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**16.111**	**5.000**	**-**	**11.111**	**10.000**	**1.111**	
1	Dự án Phát triển Nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Sơn La	1592/QĐ-TTg ngày 23/12/2022	340.727	87.835	11,013 triệu USD	260.892	234.803	26.089					91.900																				16.111	5.000		11.111	10.000	1.111	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 346/NQ-HĐND	*Sơn La, ngày 12 tháng 7 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương (đợt 14)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn NSNN giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 144/2020/NQ-HĐND ngày 02 tháng 11 năm 2020 của HĐND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 124/TTr-UBND ngày 28 ngày 6 tháng 2024; Báo cáo số 325/BC-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 822/BC-KTNS ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương (đợt 14), như sau:

1. Tổng vốn phân bổ: 155.379 triệu đồng. Trong đó:

- Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh: 95.050 triệu đồng.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh: 60.329 triệu đồng.

2. Phương án phân bổ

2.1. Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh

Phân bổ chi tiết 95.050 triệu đồng thực hiện khởi công mới 08 dự án theo chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.2. Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh

Phân bổ chi tiết 60.329 triệu đồng thực hiện 04 dự án theo chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(có Biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01

PHÂN BỔ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 346/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu/Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao		Phân bổ kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	TĐ: Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh		
				Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	TĐ: Nguồn BSCĐ ngân sách tỉnh				
	TỔNG SỐ			**151.637**	**95.050**			**95.050**	
I	**QUỐC PHÒNG**			**35.100**	**35.100**			**35.100**	
1	Dự án Xây dựng nhà kiểm soát liên hợp cửa khẩu phụ Nậm Lạnh, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	837 ngày 09/5/2024	9.600	9.600			9.600	
2	Dự án Xây dựng nhà ở cấp đại đội phục vụ công tác huấn luyện tại thao trường cấp tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	1155 ngày 19/6/2024	7.500	7.500			7.500	
3	Dự án Đường lên trận địa súng máy phòng không 12,7mm - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Sơn La	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	1157 ngày 19/6/2024	6.000	6.000			6.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu/Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao		Phân bổ kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	TĐ: Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh		
				Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	TĐ: Nguồn BSCĐ ngân sách tỉnh				
4	Dự án Đường lên Đài quan sát phòng không - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Sơn La	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	1156 ngày 19/6/2024	12.000	12.000			12.000	
II	**GIAO THÔNG**			**24.800**	**15.000**			**15.000**	
1	Cải tạo, nâng cấp Đường tỉnh 105 (đoạn Km 55 + 600 – Km 60 + 343), huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	UBND huyện Sốp Cộp	1257 ngày 28/6/2024	24.800	15.000			15.000	
III	**GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**			**76.787**	**30.000**			**30.000**	
1	Dự án Trường THCS xã Tạ Khoa, huyện Bắc Yên		348 NQ-HĐND ngày 12/7/2024	42.521	15.000			15.000	
2	Dự án Điểm trường bản Đèo Chẹn thuộc trường PTDTBT tiểu học Hua Nhàn, xã Hua Nhàn, huyện Bắc Yên		347 NQ-HĐND ngày 12/7/2024	34.266	15.000			15.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu/Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao		Phân bổ kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	TĐ: Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh		
				Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	TĐ: Nguồn BSCĐ ngân sách tỉnh				
IV	**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**			**14.950**	**14.950**			**14.950**	
1	Khu xử lý rác thải sinh hoạt huyện Quỳnh Nhai	UBND huyện Quỳnh Nhai	1251 ngày 28/6/2024	14.950	14.950			14.950	

Biểu số 02

PHÂN BỔ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 346/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu/Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã giao		Phân bổ kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		
				Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh				
	TỔNG SỐ			**184.587**	**60.329**	**79.258**		**60.329**	
I	**GIAO THÔNG**			**24.800**	**9.800**			**9.800**	
1	Cải tạo, nâng cấp Đường tỉnh 105 (đoạn Km 55 + 600 – Km 60 + 343), huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	UBND huyện Sốp Cộp	1257 ngày 28/6/2024	24.800	9.800			9.800	
II	**GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**			**76.787**	**46.787**			**46.787**	
1	Dự án trường THCS xã Tạ Khoa, huyện Bắc Yên		348/NQ-HĐND ngày 12/7/2024	42.521	27.521			27.521	
2	Dự án Điểm trường bản Đèo Chẹn thuộc trường PTDTBT tiểu học Hua Nhàn, xã Hua Nhàn, huyện Bắc Yên		347/NQ-HĐND ngày 12/7/2024	34.266	19.266			19.266	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu/Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã giao		Phân bổ kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		
				Tổng số (*tất cả các nguồn vốn)*	TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh				
III	**QUỐC PHÒNG**			**83.000**	**3.742**	**79.258**		**3.742**	
1	Dự án Đầu tư xây dựng cửa khẩu chính Lóng Sập tỉnh Sơn La thành Cửa khẩu Quốc tế	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	349/NQ-HĐND ngày 12/7/2024	83.000	3.742	79.258		3.742	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 347/NQ-HĐND	*Sơn La, ngày 12 tháng 7 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Điểm trường bản Đèo Chẹn thuộc trường Phổ thông Dân tộc bán trú tiểu học Hua Nhàn, xã Hua Nhàn, huyện Bắc Yên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Xét Tờ trình số 123/TTr-UBND ngày 28 ngày 6 tháng 2024; Báo cáo số 325/BC-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2024 và 327/BC-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 822/BC-KTNS ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Điểm trường bản Đèo Chẹn thuộc trường PTDTBT tiểu học Hua Nhàn, xã Hua Nhàn, huyện Bắc Yên, với nội dung sau:

1. Tên dự án

Điểm trường bản Đèo Chẹn thuộc trường PTDTBT tiểu học Hua Nhàn, xã Hua Nhàn, huyện Bắc Yên.

2. Mục tiêu đầu tư

Nhằm khắc phục tình trạng ảnh hưởng sạt lở, mất an toàn tại Điểm trường bản Đèo Chẹn thuộc trường Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Hua Nhàn, xã Hua Nhàn, huyện Bắc Yên tại vị trí cũ; đầu tư điểm trường mới đảm bảo cơ sở vật chất khang trang, sạch đẹp, đồng bộ, an toàn phục vụ cho nhu cầu học tập và giảng dạy của học sinh và giáo viên tại Điểm trường bản Đèo Chẹn thuộc trường Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Hua Nhàn, xã Hua Nhàn, huyện Bắc Yên.

3. Quy mô đầu tư

- Xây dựng mới 01 nhà lớp học 03 tầng 12 phòng; 01 nhà bán trú học sinh 02 tầng 16 phòng và 01 nhà bếp ăn, công vụ giáo viên 3 tầng 18 phòng theo TCVN 8793-2011: Trường tiểu học - Yêu cầu thiết kế. Tổng diện tích xây dựng khoảng 1.558 m^2; Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 3.489 m^2.

- Các hạng mục phụ trợ bao gồm: Sân trường bê tông, mặt lát gạch; kè đá chắn đất khu mộ dân cư; kè đá chắn đất; kè đá chắn đất sân trường với khu nhà công vụ; đường vào bê tông; cống qua đường; cổng, hàng rào; hệ thống cấp điện; cấp nước; phòng cháy; hệ thống xử lý nước thải; một số hạng mục phụ trợ khác.

- Trang thiết bị phòng học, nhà bán trú, bếp ăn, phòng công vụ giáo viên.

- Phá dỡ các hạng mục công trình tại điểm trường cũ (để đảm bảo an toàn cho khu vực xung quanh), gồm: 01 nhà lớp học 02 tầng 6 phòng, 01 nhà lớp học 01 tầng 4 phòng và 01 nhà làm việc 01 tầng 2 phòng.

4. Nhóm dự án: Dự án nhóm C.

5. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: Khoảng 34.266 triệu đồng.

6. Cơ cấu nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của dự án

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm	Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng cộng
2024 - 2025	15.000	19.266	**34.266**

7. Địa điểm thực hiện dự án: Bản Cáy Khẻ, xã Hua Nhàn, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

8. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2024 - 2025.

9. Tiến độ thực hiện

- Năm 2024: Chuẩn bị đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư, thực hiện dự án.

- Năm 2025: Thực hiện dự án và quyết toán hoàn thành dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XV, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 349/NQ-HĐND	*Sơn La, ngày 12 tháng 7 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng Cửa khẩu chính Lóng Sập, tỉnh Sơn La thành Cửa khẩu Quốc tế

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Xét Tờ trình số 123/TTr-UBND ngày 28 ngày 6 tháng 2024; Báo cáo số 325/BC-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 822/BC-KTNS ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng Cửa khẩu chính Lóng Sập tỉnh Sơn La thành Cửa khẩu Quốc tế, như sau:

1. Mục tiêu đầu tư sau điều chỉnh

Xây dựng khu vực Cửa khẩu Quốc tế Lóng Sập trở thành trung tâm dịch vụ, du lịch Cửa khẩu, trung tâm tài chính, thương mại, dịch vụ biên giới, hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại; sản phẩm du lịch đa dạng, phong phú; nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của nhân dân, giao lưu, hợp tác giữa hai nước Việt Nam - Lào nói chung, tỉnh Sơn La, tiểu vùng Tây Bắc

Việt Nam và các tỉnh Bắc Lào nói riêng; Là phòng tuyến vững chắc bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, tạo hệ thống phòng thủ vững chắc về quốc phòng trong khu vực.

2. Quy mô đầu tư sau điều chỉnh

- San nền các lô đất trong đồ án quy hoạch, bao gồm: Quốc môn kết hợp Trạm kiểm soát liên hợp; Trạm kiểm tra cân, soi; Trạm kiểm dịch; Bãi kiểm hóa, kiểm dịch; Kho ngoại quan; Bãi sơ chế; Bãi hạ tải; Bến xe xuất cảnh; Bến xe nhập cảnh; Bãi xe xuất khẩu; Trạm biên phòng cửa khẩu; Trạm hải quan; Trạm y tế; Cây xanh và hạ tầng kỹ thuật.

- Xây dựng hệ thống đường giao thông theo tiêu chuẩn đường đô thị TCVN 13592:2022 đường đô thị - yêu cầu thiết kế với quy mô chính như sau:

Chiều dài tuyến đường theo quy hoạch khoảng 1,1 km (điểm đầu, điểm cuối đảm bảo kết nối với đường QL43 hiện trạng); Tốc độ thiết kế Vtk = 30km/h; Chiều rộng nền đường Bn = 15,5m; Chiều rộng mặt đường Bm = 11,5m (đoạn từ nút giao Quốc môn về hướng Mộc Châu), Bm = 14m (đoạn từ nút giao Quốc môn hướng về mốc 255); chiều rộng hè phố Bh = 2m (đoạn từ nút giao Quốc môn về hướng Mộc Châu), Bh = 0,75m (đoạn từ nút giao Quốc môn hướng về mốc 255); Độ dốc dọc lớn nhất Imax = 8% (châm trước Icc = 10%); Bán kính đường cong nằm tối thiểu Rmin = 50m (châm trước Rcc = 30m).

- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật *(bao gồm: hè phố, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước, cấp điện, kè chắn đất và ốp mái,...)*.

3. Địa điểm thực hiện dự án sau điều chỉnh: Xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

4. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án sau điều chỉnh: Năm 2024 - 2025.

- Năm 2024: Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư và triển khai dự án.

- Năm 2025 Thực hiện dự án, hoàn thành và quyết toán dự án.

5. Dự kiến tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: 83.000 triệu đồng.

6. Cơ cấu nguồn vốn sau điều chỉnh

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm	Tổng số	Trong đó:	
		Nguồn ngân sách Trung ương	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh
Năm 2024 - 2025	83.000	79.258	3.742
Tổng cộng	**83.000**	**79.258**	**3.742**

7. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo chủ trương đầu tư đã được phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XV, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua, thay thế Nghị quyết số 279/NQ-HĐND ngày 12 tháng 5 năm 2021 của HĐND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh chủ trương dự án Đầu tư xây dựng Cửa khẩu chính Lóng Sập tỉnh Sơn La thành cửa khẩu Quốc tế./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 349/NQ-HĐND	*Sơn La, ngày 12 tháng 7 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng Cửa khẩu chính Lóng Sập, tỉnh Sơn La thành Cửa khẩu Quốc tế

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Xét Tờ trình số 123/TTr-UBND ngày 28 ngày 6 tháng 2024; Báo cáo số 325/BC-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 822/BC-KTNS ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng Cửa khẩu chính Lóng Sập tỉnh Sơn La thành Cửa khẩu Quốc tế, như sau:

1. Mục tiêu đầu tư sau điều chỉnh

Xây dựng khu vực Cửa khẩu Quốc tế Lóng Sập trở thành trung tâm dịch vụ, du lịch Cửa khẩu, trung tâm tài chính, thương mại, dịch vụ biên giới, hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại; sản phẩm du lịch đa dạng, phong phú; nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của nhân dân, giao lưu, hợp tác giữa hai nước Việt Nam - Lào nói chung, tỉnh Sơn La, tiểu vùng Tây Bắc

Việt Nam và các tỉnh Bắc Lào nói riêng; Là phòng tuyến vững chắc bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, tạo hệ thống phòng thủ vững chắc về quốc phòng trong khu vực.

2. Quy mô đầu tư sau điều chỉnh

- San nền các lô đất trong đồ án quy hoạch, bao gồm: Quốc môn kết hợp Trạm kiểm soát liên hợp; Trạm kiểm tra cân, soi; Trạm kiểm dịch; Bãi kiểm hóa, kiểm dịch; Kho ngoại quan; Bãi sơ chế; Bãi hạ tải; Bến xe xuất cảnh; Bến xe nhập cảnh; Bãi xe xuất khẩu; Trạm biên phòng cửa khẩu; Trạm hải quan; Trạm y tế; Cây xanh và hạ tầng kỹ thuật.

- Xây dựng hệ thống đường giao thông theo tiêu chuẩn đường đô thị TCVN 13592:2022 đường đô thị - yêu cầu thiết kế với quy mô chính như sau:

Chiều dài tuyến đường theo quy hoạch khoảng 1,1 km (điểm đầu, điểm cuối đảm bảo kết nối với đường QL43 hiện trạng); Tốc độ thiết kế Vtk = 30km/h; Chiều rộng nền đường Bn = 15,5m; Chiều rộng mặt đường Bm = 11,5m (đoạn từ nút giao Quốc môn về hướng Mộc Châu), Bm = 14m (đoạn từ nút giao Quốc môn hướng về mốc 255); chiều rộng hè phố Bh = 2m (đoạn từ nút giao Quốc môn về hướng Mộc Châu), Bh = 0,75m (đoạn từ nút giao Quốc môn hướng về mốc 255); Độ dốc dọc lớn nhất Imax = 8% (châm trước Icc = 10%); Bán kính đường cong nằm tối thiểu Rmin = 50m (châm trước Rcc = 30m).

- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật *(bao gồm: hè phố, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước, cấp điện, kè chắn đất và ốp mái,...)*.

3. Địa điểm thực hiện dự án sau điều chỉnh: Xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

4. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án sau điều chỉnh: Năm 2024 - 2025.

- Năm 2024: Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư và triển khai dự án.

- Năm 2025 Thực hiện dự án, hoàn thành và quyết toán dự án.

5. Dự kiến tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: 83.000 triệu đồng.

6. Cơ cấu nguồn vốn sau điều chỉnh

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm	**Tổng số**	**Trong đó:**	
		Nguồn ngân sách Trung ương	**Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh**
Năm 2024 - 2025	83.000	79.258	3.742
Tổng cộng	**83.000**	**79.258**	**3.742**

7. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo chủ trương đầu tư đã được phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XV, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua, thay thế Nghị quyết số 279/NQ-HĐND ngày 12 tháng 5 năm 2021 của HĐND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh chủ trương dự án Đầu tư xây dựng Cửa khẩu chính Lóng Sập tỉnh Sơn La thành cửa khẩu Quốc tế./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 350/NQ-HĐND	*Sơn La, ngày 12 tháng 7 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Báo Sơn La

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Xét Tờ trình số 130/TTr-UBND ngày 01 ngày 7 tháng 2024; Báo cáo thẩm tra số 822/BC-KTNS ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Báo Sơn La, như sau:

1. Quy mô đầu tư sau điều chỉnh: Bổ sung thêm các hạng mục đường dây, Trạm biến áp và Kè chắn đất.

2. Địa điểm thực hiện dự án sau điều chỉnh: Phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La.

3. Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh: Năm 2024 - 2026.

4. Tiến độ thực hiện dự án sau điều chỉnh:

- Năm 2024 - 2025: Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư, khởi công, thực hiện dự án.

- Năm 2026: Quyết toán hoàn thành dự án.

5. Các nội dung khác

Giữ nguyên theo Nghị quyết số 284/NQ-HĐND ngày 31 tháng 01 năm 2024 của HĐND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt chủ trương dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Báo Sơn La.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XV, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 351/NQ-HĐND	*Sơn La, ngày 12 tháng 7 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Hoàn thiện tuyến giao thông số 1A, vườn hoa Quảng trường Tây Bắc (đoạn từ cầu Trắng đến tuyến 1A)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 121/TTr-UBND ngày 28 ngày 6 tháng 2024; Báo cáo thẩm tra số 822/BC-KTNS ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Hoàn thiện tuyến giao thông số 1A, vườn hoa Quảng trường Tây Bắc *(đoạn từ cầu Trắng đến tuyến 1A)*, như sau:

1. Cơ cấu nguồn vốn sau điều chỉnh: Nguồn ngân sách tỉnh và Ngân sách thành phố.

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Ngân sách tỉnh		Ngân sách thành phố	Tổng
	Nguồn bổ sung cân đối	Nguồn thu tiền sử dụng đất		
Năm 2024 - 2025	10.000	50.000	40.000	100.000
Năm 2026	243.000			243.000
Tổng	**303.000**		**40.000**	**343.000**

2. Các nội dung khác

Giữ nguyên theo Nghị quyết số 283/NQ-HĐND ngày 31 tháng 01 năm 2024 của HĐND tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Hoàn thiện tuyến giao thông số 1A, vườn hoa Quảng trường Tây Bắc (đoạn từ cầu Trắng đến tuyến 1A).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XV, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 352/NQ-HĐND	*Sơn La, ngày 12 tháng 7 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách địa phương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Xét Tờ trình số 125/TTr-UBND ngày 28 ngày 6 tháng 2024; Báo cáo số 325/BC-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 822/BC-KTNS ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 từ nguồn thu hồi của các dự án hết thời hạn giải ngân thanh toán năm 2023 như sau:

1.Tổng vốn điều chỉnh: 706,536 triệu đồng.

2. Phương án điều chỉnh

Điều chỉnh giảm 706,536 triệu đồng kế hoạch vốn giao của 01 đã được cân đối bố trí từ nguồn vốn khác; để phân bổ thực hiện dự án Đầu tư cơ sở vật chất cho Trường Chính trị tỉnh - Hạng mục nhà thi đấu đa năng một tầng và các hạng mục phụ trợ.

(có Biểu chi tiết số 01 kèm theo)

Điều 2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách địa phương, như sau:

1. Tổng vốn điều chỉnh: 73.400 triệu đồng. Trong đó:

- Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh: 68.400 triệu đồng.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh: 5.000 triệu đồng.

2. Phương án điều chỉnh

2.1. Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh

- Điều chỉnh giảm 68.400 triệu đồng kế hoạch vốn giao của các dự án, nhiệm vụ hết nhu cầu sử dụng vốn hoặc không có khả năng hoàn thành giải ngân kế hoạch vốn giao chủ đầu tư đề nghị thu hồi, cụ thể:

+ Điều chỉnh giảm 1.660 triệu đồng kế hoạch vốn thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững do không có khả năng hoàn thành giải ngân kế hoạch vốn giao.

+ Điều chỉnh giảm 19.574 triệu đồng kế hoạch vốn giao thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp, HTX đầu tư vào nông nghiệp nông thôn do đến nay chưa có doanh nghiệp, HTX đề nghị hỗ trợ.

+ Điều chỉnh giảm 47.166 triệu đồng kế hoạch vốn giao của 02 dự án hết nhu cầu sử dụng vốn và 02 dự án chậm tiến độ không có khả năng giải ngân kế hoạch vốn giao chủ đầu tư đề nghị thu hồi.

- Số vốn điều chỉnh 68.400 triệu đồng thực hiện:

+ Phân bổ 3.500 triệu đồng thực hiện 01 dự án ODA - dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu tại thành phố Sơn La.

+ Phân bổ 8.400 triệu đồng thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Phân bổ 56.500 triệu đồng thực hiện 03 dự án chuyển tiếp có tiến độ thực hiện tốt có nhu cầu bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ.

2.2. Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh

Điều chỉnh giảm 5.000 triệu đồng kế hoạch vốn giao của dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ Cao tốc Hoà Bình - Mộc Châu đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La do đã được cân đối bố trí từ nguồn vốn khác; để phân bổ thực hiện khởi công mới dự án Đầu tư cơ sở vật chất cho Trường Chính trị tỉnh - Hạng mục nhà thi đấu đa năng một tầng và các hạng mục phụ trợ theo chủ trương được duyệt.

(có Biểu chi tiết số 02 kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XV, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 TỪ NGUỒN THU HỒI CỦA CÁC DỰ ÁN HẾT THỜI HẠN GIẢI NGÂN THANH TOÁN NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 346/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch năm 2024 từ nguồn thu hồi của các dự án hết thời gian giải ngân thanh toán năm 2023				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch năm 2024 từ nguồn thu hồi của các dự án hết thời gian giải ngân thanh toán năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn kéo dài	Giải ngân thanh toán đến 30/6/2024		Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
				Tổng số	TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh				Tổng số	Tỷ lệ					
	TỔNG SỐ			4.946.750	1.546.750	-	6.199,536	706,536	-	-	706,536	706,536	706,536	706,536	
*	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH TỈNH			4.946.750	1.546.750	-	6.199,536	706,536	-	-	706,536	706,536	706,536	706,536	
I	Điều chỉnh giảm			4.938.000	1.538.000		6.199,536	706,536	-	-	706,536	706,536	-	-	
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ Cao tốc Hoà Bình - Mộc Châu đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, UBND huyện Mộc Châu, UBND huyện Vân Hồ	26/QĐ-BQLDA ngày 29/3/2024	4.938.000	1.538.000		6.200	706,536			706,536	706,536		-	
II	Điều chỉnh tăng			8.750	8.750	-	-	-	-	-	-	-	706,536	706,536	
1	Dự án đầu tư cơ sở vật chất cho Trường Chính trị tỉnh - Hạng mục nhà thi đấu đa năng một tầng và các hạng mục phụ trợ	Trường Chính trị tỉnh	1108 ngày 12/6/2024	8.750	8.750								706,536	706,536	

Biểu số 02

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 346/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch năm 2024				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán đến ngày 20/6/2024		Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
				Tổng số	TĐ: NST				Tổng số	Tỷ lệ					
	TỔNG SỐ			**6.401.966**	**2.062.257**	**97.921**	**206.379**	**135.706**	**27.061**	**0**	**108.645**	**73.400**	**73.400**	**135.706**	
A	**NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH**			**1.455.216**	**515.507**	**97.921**	**200.179**	**130.706**	**27.061**	**0**	**103.645**	**68.400**	**68.400**	**130.706**	
I	**Điều chỉnh giảm**			**135.503**	**111.184**	**13.568**	**112.472**	**100.596**	**305**	**0**	**100.291**	**68.400**		**32.196**	
I.1	**Thực hiện Chương trình MQTG giảm nghèo bền vững**						**1.660**	**1.660**			**1.660**	**1.660**			
I.2	**Hỗ trợ doanh nghiệp, HTX đầu tư vào nông nghiệp nông thôn**						**19.574**	**19.574**			**19.574**	**19.574**			
I.3	**Thực hiện dự án**			**135.503**	**111.184**	**13.568**	**91.238**	**79.362**	**305**	**0**	**79.057**	**47.166**		**32.196**	
1	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Cong, xã Quang Minh, huyện Vân Hồ	UBND huyện Vân Hồ	1066 ngày 31/5/2021	7.184	7.184	7.183	6.763	1.272	305	24%	967	420		852	
2	Đường giao thông liên xã từ bản Uông, xã Mường Men qua bản Đá Mài, xã Tô Múa - bản Pù Hiềng, xã Mường Tè, huyện Vân Hồ	UBND huyện Vân Hồ	1427 ngày 10/12/2021	23.000	10.000		7.000	7.000			7.000	7.000		-	
3	Khu tập trung bí mật/Bộ CHQS tỉnh (CH-02)	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	240/QĐ-QK ngày 21/02/2023	44.000	44.000	1.795	27.475	25.680			25.680	19.235		6.445	
4	Khu di tích lịch sử Ngã ba Cò Nòi, huyện Mai Sơn	UBND huyện Mai Sơn	1091 ngày 31/5/2021	61.319	50.000	4.590	50.000	45.410			45.410	20.511		24.899	
II	**Điều chỉnh tăng**			**1.319.713**	**404.323**	**84.353**	**87.707**	**30.110**	**26.756**		**3.354**		**68.400**	**98.510**	
II.1	**Đối ứng dự án ODA**			**970.500**	**209.200**	**5.000**	**5.000**						**3.500**	**3.500**	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch năm 2024				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán đến ngày 20/6/2024		Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
				Tổng số	TĐ: NST				Tổng số	Tỷ lệ					
1	Dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu tại thành phố Sơn La	Ban QLDA ODA		970.500	209.200	5.000	5.000						3.500	3.500	
II.1	**Thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**			**183.242**	**29.152**	**23.520**	**23.520**	**8.400**	**8.400**	**100%**			**8.400**	**16.800**	
1	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			183.242	29.152	23.520	23.520	8.400	8.400	100%			8.400	16.800	
	Đường GTNT từ xã Cà Nàng (bản Phát) xã Chiềng Khay (bản Mùn), huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	2667 ngày 09/12/2023	183.242	29.152	23.520	23.520	8.400	8.400	100%			8.400	16.800	
II.2	**Thực hiện dự án**			**165.971**	**165.971**	**55.833**	**59.187**	**21.710**	**18.356**		**3.354**		**56.500**	**78.210**	
1	Dự án Tiêu thoát nước chống ngập úng trung tâm huyện Quỳnh Nhai	UBND huyện Quỳnh Nhai	2527 ngày 26/11/2023	36.000	36.000	8.000	8.000	8.000	8.000	100%			12.000	20.000	
2	Dự án Kè chống sạt lở khu trung tâm hành chính huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	UBND huyện Sốp Cộp	1939 ngày 28/9/2023	110.000	110.000	32.391	35.745	6.620	3.266	49%	3.354		40.000	46.620	
3	Dự án rà phá, bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2023 - 2025	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	2078 ngày 13/10/2023	19.971	19.971	15.442	15.442	7.090	7.090	100%			4.500	11.590	
B	**NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH TỈNH**			**4.946.750**	**1.546.750**		**6.200**	**5.000**			**5.000**	**5.000**	**5.000**	**5.000**	
I	**Điều chỉnh giảm**			**4.938.000**	**1.538.000**		**6.200**	**5.000**			**5.000**	**5.000**			
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ Cao tốc Hoà Bình - Mộc Châu đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông,	26 QĐ-BQLDA ngày 29/3/2024	4.938.000	1.538.000		6.200	5.000			5.000	5.000		-	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch năm 2024				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán đến ngày 20/6/2024		Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
				Tổng số	TĐ: NST				Tổng số	Tỷ lệ					
		UBND huyện Mộc Châu, UBND huyện Vân Hồ													
II	**Điều chỉnh tăng**			**8.750**	**8.750**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**5.000**	**5.000**	
1	Dự án đầu tư cơ sở vật chất cho Trường Chính trị tỉnh - Hạng mục nhà thi đấu đa năng một tầng và các hạng mục phụ trợ	Trường Chính trị tỉnh	1108 ngày 12/6/2024	8.750	8.750								5.000	5.000	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 353/NQ-HĐND	*Sơn La, ngày 12 tháng 7 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Bổ sung danh mục cho phép chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Luật Quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 134/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2024, Báo cáo số 327/BC-UBND ngày 08/7/2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 822/BC-KTNS ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung danh mục cho phép chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ (đất chưa có rừng), diện tích 24.905,6 m^2 để thực hiện 02 dự án trên địa bàn thành phố Sơn La và huyện Mường La.

(có 01 Biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

BIỂU DANH MỤC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT THEO ĐIỀU 58 LUẬT ĐẤT ĐAI

(Kèm theo Nghị quyết số 353/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh)

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Phân theo các loại đất (m^2)									Loại đất sau khi CMĐ sử dụng đất	Nguồn vốn thực hiện	
			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (m^2)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ		Đất rừng Đặc dung		Đất khác còn lại *(không phải đất trồng lúa, đất RPH, RĐD)*		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn
				Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
1	*2*	*3*	*5 = 6 +...9*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
	THÀNH PHỐ SƠN LA													
1	Thực hiện nhiệm vụ Bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất để làm vị trí đóng quân của cơ quan Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Sơn La	Bản Hẹo, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La	21.161,20					21.161,2				Đất quốc phòng (CQP)	Căn cứ Công văn số 731/BTM-TaC ngày 07/4/2024 của Bộ Tham mưu – Bộ đội Biên phòng	Dự toán NSNN chi thường xuyên cho quốc phòng
	MƯỜNG LA													
2	Khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá bản Nang Phai, xã Mường Bú, huyện Mường La	Xã Mường Bú	3.744,4					3.744,4				TMD	Quyết định số 2898/QĐ-UBND ngày 07/12/2016 của UBND tỉnh Sơn La	Vốn nhà đầu tư

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 354/NQ-HĐND	*Sơn La, ngày 12 tháng 7 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất, thông tin khác của dự án đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án nhà nước thu hồi đất

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Luật Quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 136/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh, Báo cáo thẩm tra số 822/BC-KTNS ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất, thông tin khác của dự án đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án nhà nước thu hồi đất.

(có 01 Biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

BIỂU DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT, THÔNG TIN KHÁC CỦA DỰ ÁN NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

(Kèm theo Nghị quyết số 354/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh)

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (m2)									Điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất (m2)								Điều chỉnh tên dự án	Văn bản kế hoạch vốn thực hiện; VB điều chỉnh, bổ sung.	
			Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích đất thu hồi (m2)	Trong đó							Diện tích thu hồi (m2)	Trong đó								Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương; VB cho phép điều chỉnh	Nguồn vốn
					Đất trồng lúa		Đất rừng PH		Đất rừng ĐD		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa đất RPH, RĐD)		Đất trồng lúa		Đất rừng PH		Đất rừng đặc dụng		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RĐD)			
					Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng	Đất chưa có rừng			Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
	VÂN HỒ																					
1	Khu tái định cư phục vụ tuyến đường Hòa Bình - Mộc Châu	Xã Chiềng Khoa, Mường Men, Chiềng Yên	150 NQ-HĐND ngày 08/12/2022	120.000,0		10.000,0		30.000,0			80.000,0	120.611,2		16.000,0	3.000,0	47.000,0			54.611,2	Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc địa phận huyện Vân Hồ thuộc dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La	299 NQ-HĐND ngày 10/3/2024 của HĐND tỉnh Sơn La	Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (m2)									Điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất (m2)								Điều chỉnh tên dự án	Văn bản kế hoạch vốn thực hiện; VB điều chỉnh, bổ sung.	
			Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích đất thu hồi (m2)	Trong đó							Diện tích thu hồi (m2)	Trong đó								Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương; VB cho phép điều chỉnh	Nguồn vốn
					Đất trồng lúa		Đất rừng PH		Đất rừng ĐD		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa đất RPH, RĐD)		Đất trồng lúa		Đất rừng PH		Đất rừng đặc dụng		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RĐD)			
					Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng	Đất chưa có rừng			Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
	MƯỜNG L																					
2	Đường giao thông từ bản Phiêng Lời đến bản Long Bong, xã Hua Trai	Xã Hua Trai	209 NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh Sơn La	6.455,0	5.755,0						700,0	52.081,0	973,0	237,0		7.877,0		7.600,0	35.394,0		214 NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh Sơn La	Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 355/NQ-HĐND	*Sơn La, ngày 12 tháng 7 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất dự án đã được HĐND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Luật quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 135/Tr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 822/BC-KTNS ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐNDtại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất đối với 01 dự án đã được HĐND tỉnh thông qua cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ.

(có 01 Biểu kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

BIỂU DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DIỆN TÍCH CỦA DỰ ÁN CHO PHÉP CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Nghị quyết số 354/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh)

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (m2)							Điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất (m2)						Văn bản kế hoạch vốn thực hiện; VB điều chỉnh, bổ sung.	
			Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua cho phép CMĐSD đất	Tổng DT cho phép	Trong đó					Diện tích (m2)	Trong đó					Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương; VB cho phép điều chỉnh	Nguồn vốn
					Đất trồng lúa			Đất rừng PH			Đất trồng lúa		Đất rừng PH				
					Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng		Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RĐD)		
	MƯỜNG LA																
1	Đường giao thông từ bản Phiêng Lời đến bản Long Bong, xã Hua Trai	Xã Hua Trai	210/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh Sơn La	5.755	5.755					9.087	973	237		7.877		214 NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh Sơn La	Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND - UBMTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com